

UBND TỈNH NGHỆ AN

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH NGHỆ AN**

Nghệ An, tháng 11 năm 2015

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	4
DANH MỤC HÌNH.....	4
PHẦN I: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	7
1.Giới thiệu về Công ty.....	7
1.1. Thông tin chung về Công ty	7
1.2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh.....	7
2.Quá trình thành lập và phát triển	8
2.1. Quá trình thành lập.....	8
2.2. Quá trình phát triển.....	9
2.3. Các thành tích đạt được	10
3.Cơ cấu tổ chức quản lý.....	10
3.1. Tổ chức bộ máy	11
3.2. Sơ đồ tổ chức.....	12
3.3. Chức năng, nhiệm vụ	13
4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp 3 năm trước khi cổ phần hóa	19
4.1. Các hoạt động kinh doanh chính	19
4.2. Tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa	20
4.3. Cơ cấu chi phí của Công ty.....	21
4.4. Cơ cấu doanh thu của Công ty	22
4.5.Cơ cấu lợi nhuận của Công ty.....	23
4.6.Các dự án đã và đang triển khai	24
4.7.Công nghệ hiện tại đang áp dụng, lợi thế của công nghệ.....	25
4.7.1. Trình độ công nghệ.....	25
4.7.2. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	26
4.7.3.Hoạt động marketing.....	27
4.8. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.....	27
4.8.1.Nguồn cung cấp nguyên vật liệu	27

4.8.2. Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu	27
4.8.3. Ảnh hưởng của nguyên vật liệu đầu vào tới doanh thu lợi nhuận	28
5. Thuận lợi và khó khăn trước cổ phần hóa	28
5.1. Thuận lợi.....	28
5.2. Khó khăn	29
6. Thực trạng của Doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	29
6.1. Thực trạng về tài sản	30
6.2. Thực trạng về tài chính và công nợ	31
6.3. Thực trạng sử dụng đất.....	32
6.4. Thực trạng về lao động.....	32
7. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và những vấn đề cần tiếp tục xử lý	34
7.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.....	34
7.2. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý	37
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....	42
1. Cơ sở pháp lý của việc Cổ phần hóa	42
1.1. Các văn bản quy định về Cổ phần hóa	42
1.2. Văn bản chỉ đạo cổ phần hóa Công ty	38
2. Hình thức cổ phần hóa	39
3. Mục tiêu cổ phần hóa	39
4. Tên công ty cổ phần.....	40
5. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hoá tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	44
6. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần	45
7. Cơ cấu vốn điều lệ.....	45
8. Loại cổ phần và phương thức phát hành.....	46
9. Xác định giá bán khởi điểm và phương án bán cổ phần.....	46
9.1. Xác định giá bán khởi điểm.....	46
9.2. Bán cổ phần ưu đãi cho người lao động	48
9.3. Bán cổ phần ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	45
9.4. Phương thức, thời gian, địa điểm và cơ quan bán cổ phần lần đầu.....	45

10. Phương án sắp xếp lại lao động	51
10.1. Kế hoạch xử lý lao động.....	51
10.2. Lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần.....	54
11. Lộ trình bán cổ phần.....	56
12. Chi phí cổ phần hóa.....	57
13. Kế hoạch hoàn vốn Ngân sách nhà nước, kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa	53
14. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa.....	59
15. Phương án tổ chức và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh	60
16. Phương án sử dụng đất.....	64
17. Định hướng phát triển của Công ty sau cổ phần hóa	65
17.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....	59
17.2. Triển vọng phát triển của ngành	66
17.3. Định hướng phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh	67
18. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân bổ lợi nhuận trong 3 năm tiếp theo	67
18.1. Cơ sở xây dựng kế hoạch.....	68
18.2. Mục tiêu hoạt động của Công ty	68
18.3. Các giải pháp thực hiện	71
19. Kế hoạch đăng ký Công ty đại chúng, đăng ký lưu ký, giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán	76
20. Đánh giá rủi ro dự kiến	77
20.1. Rủi ro kinh tế	77
20.2. Rủi ro về luật pháp	79
20.3. Rủi ro về đặc thù	79
20.4. Rủi ro đợt chào bán	79
20.5. Rủi ro khác	80
21. Tổ chức thực hiện và kiến nghị.....	80
21.1. Tổ chức thực hiện.....	74
21.2. Kiến nghị.....	81

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Kết quả SXKD năm 2013 - 2014.....	20
Bảng 2: Cơ cấu chi phí hoạt động công ích năm 2013-2014	22
Bảng 3: Cơ cấu chi phí 2012 - 2014	21
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu 2012 – 2014.....	22
Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận 2012 - 2014	23
Bảng 6: Một số chỉ tiêu tài chính 2013-2014	25
Bảng 7: Danh sách và tiến độ dự án đã và đang triển khai.....	24
Bảng 8: Thực trạng tài sản theo giá trị kế toán tại ngày.....	30
Bảng 9 : Hệ số tài chính 2012 - 2014	36
Bảng 10: Thực trạng các khoản phải thu.....	36
Bảng 11: Thực trạng các khoản phải trả	36
Bảng 12: Thực trạng về nguồn vốn, quỹ của Công ty	36
Bảng 13: Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/09/2015.....	33
Bảng 14: Cơ cấu vốn điều lệ.....	45
Bảng 15: Lộ trình bán cổ phần	52
Bảng 16: Chi phí cổ phần hóa	53
Bảng 17: Số tiền dự kiến nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	54
Bảng 18: Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa.....	70

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Sơ đồ tổ chức Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An.....	12
Hình 2: Sơ đồ bộ máy Công ty cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An.....	62

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản có liên quan;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 20/10/2014 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 106/2008/TT-BTC ngày 17/11/2008 của Bộ tài chính hướng dẫn kế toán khi chuyển đổi DNNN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Văn bản số 2449/TTg-ĐMDN ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011-2015;
- Căn cứ Quyết định số 3073/QĐ-UBND ngày 03/07/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thực hiện cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An;
- Căn cứ Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 03/07/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An;

- Căn cứ Quyết định số 125/QĐ-BCĐCPH ngày 29/07/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An;
- Quyết định số 3772/QĐ-UBND ngày 25/08/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An;

PHẦN I: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu về Công ty

1.1. Thông tin chung về Công ty

Tên công ty : **CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH NGHỆ AN**

Tên tiếng anh : **NGHE AN URBAN ENVIRONMENT ONE MEMBER LIMITED COMPANY**

Tên viết tắt : **NAU**

Địa chỉ trụ sở chính : **Số 360 - Đường Đặng Thai Mai – Thành phố Vinh – Nghệ An**

Điện thoại : **(038) 3564 960; 0383 56462**

Fax : **(038) 3561747**

Vốn điều lệ : **17.898.962.000 đồng (Mười bảy tỷ tám trăm chín tám triệu chín trăm sáu hai nghìn đồng)**

Số ĐKKD : **2900326985 đăng ký lần đầu ngày 22/01/2010, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/11/2014.**

1.2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900326985 đăng ký lần đầu ngày 22/01/2010, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/11/2014, ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Quét, thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng; thu gom rác thải: sinh hoạt, công nghiệp cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu	8129
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bốc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải, tổ chức thu phí vệ sinh và thu gom rác thải trong khu dân cư	8299
3	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, nạo vét hệ thống các mương cống thoát nước, vỉa hè và nhà vệ sinh	4290
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, nạo vét hệ thống các mương cống thoát nước, vỉa hè và nhà vệ sinh	4290
5	Thu gom rác thải không độc hại	3811
6	Thu gom rác thải độc hại	3812
7	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
8	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
9	Tái chế phế liệu	3830
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở hữu sử dụng hoặc đi thuê	6810

2. Quá trình thành lập và phát triển

2.1. Quá trình thành lập

Công ty TNHH một thành viên môi trường đô thị Nghệ An, tiền thân là Xí nghiệp vệ sinh, được thành lập theo Quyết định số 1204/UBND ngày 10/10/1973 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Xí nghiệp vệ sinh Thành phố Vinh.

- Đến năm 1976, UBND tỉnh nghệ An, có QĐ sáp nhập các đơn vị thành Công ty Quản lý nhà đất gồm:

- Xí nghiệp vệ sinh
- BQL nhà đất.
- Xí nghiệp cây cảnh.
- Đội mộc nghề Thành phố,

Đến năm 1980, UBND tỉnh có quyết định tách Công ty thành 02 đơn vị độc lập:

- Công ty Nhà đất, mộc nghề;
- Xí nghiệp vệ sinh Thành phố Vinh.

Năm 1990, UBND tỉnh Nghệ An có QĐ chuyển đổi Xí nghiệp vệ sinh thành Công ty môi trường đô thị Thành phố Vinh,

- Năm 2009 Công ty được UBND tỉnh Nghệ An chuyển đổi thành Công ty TNHH Môi trường đô thị thành phố Vinh. Căn cứ quyết định số 6383/QĐ.UBND-ĐT ngày 02/12/2009; Biên bản thẩm định phương án chuyển đổi lập ngày 16/11/2009 về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Môi trường đô thị thành phố Vinh thành Công ty TNHH Môi trường đô thị Vinh .

- Ngày 20/12/2011 Công ty chuyển cơ chế quản lý đơn vị thành Công ty trách nhiệm hữu hạn có 100% vốn Nhà nước, chuyển đổi Công ty TNHH Môi trường đô thị Vinh thành Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Nghệ An và lập Biên bản thẩm định phương án chuyển đổi ngày 16/11/2009. Công ty đi vào hoạt động vào ngày 22/01/2010.

- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Nghệ An là pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được đăng ký kinh doanh, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật; hoạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính, hoạt động theo điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Quá trình phát triển

Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An, tiền thân là Công ty môi trường đô thị thành phố Vinh. Những ngày đầu thành lập, đảm nhận nhiệm vụ chủ yếu là công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Vinh.

Năm 2010, Công ty chuyển đổi phương thức hoạt động từ đơn vị hành chính sự nghiệp sang doanh nghiệp nhà nước. Tổng số vốn điều lệ là 17.898.962.000 đồng, với ngành nghề kinh doanh chính là thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, thoát nước đô thị, quản lý, duy tu các công trình công cộng và làm các dịch vụ về vệ sinh, môi trường.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm qua, sự gia tăng về rác thải và nguy cơ ô nhiễm môi trường ở một số huyện thị có khu du lịch rất lớn, công ty đã mở rộng thị trường cung ứng dịch vụ, đẩy mạnh phát triển các ngành nghề kinh doanh dịch vụ. Qua tổng kết đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty đều đã khẳng định, Công ty đã có những bước đi đúng hướng, các công trình do công ty làm chủ đầu tư hoặc thi công đều đạt chất lượng tốt, từng bước thích ứng với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa về công tác vệ sinh môi trường.

Tháng 12/2011 chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An với số vốn điều lệ là 17.898.962.000 đồng; hoạt động chủ yếu: Vệ sinh nhà cửa và các công trình, bốc và vận chuyển rác, tổ chức thu phí vệ sinh môi trường và thu gom rác trong dân cư, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, xử lý ô nhiễm và quản lý rác thải rắn sinh hoạt... Nhiệm vụ lãnh đạo bảo đảm quốc phòng - an ninh được Đảng ủy chú trọng và quan tâm chỉ đạo, xây dựng cụm an toàn làm chủ; hiện đơn vị có 6 công nhân được gọi nhập ngũ đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và được tiếp nhận trở lại làm việc. Công tác phòng cháy, chữa cháy được đẩy mạnh. Từ năm 2012 trở đi, đơn vị đã ban hành quy chế quản lý bãi rác, vệ sinh an toàn lao động, trật tự nơi làm việc tạo sự đồng thuận cao trong tập thể cán bộ công nhân viên và nhân dân trên địa bàn.

2.3. Các thành tích đạt được

Từ sự nỗ lực cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, Đảng bộ Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An nhiều năm liền đạt danh hiệu Trong sạch vững mạnh, riêng 2 năm 2012, 2013 đạt danh hiệu Đảng bộ vững mạnh tiêu biểu, năm 2014 được công nhận Đảng bộ Trong sạch vững mạnh tiêu biểu 3 năm liền (2012 - 2014), được Tỉnh ủy tặng Bằng khen và UBND tỉnh tặng Cờ thi đua đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong nhiều năm liền. Đặc biệt năm 2014, tập thể công ty và cá nhân đồng chí Hoàng Văn Khanh, Giám đốc vinh dự đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì những thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

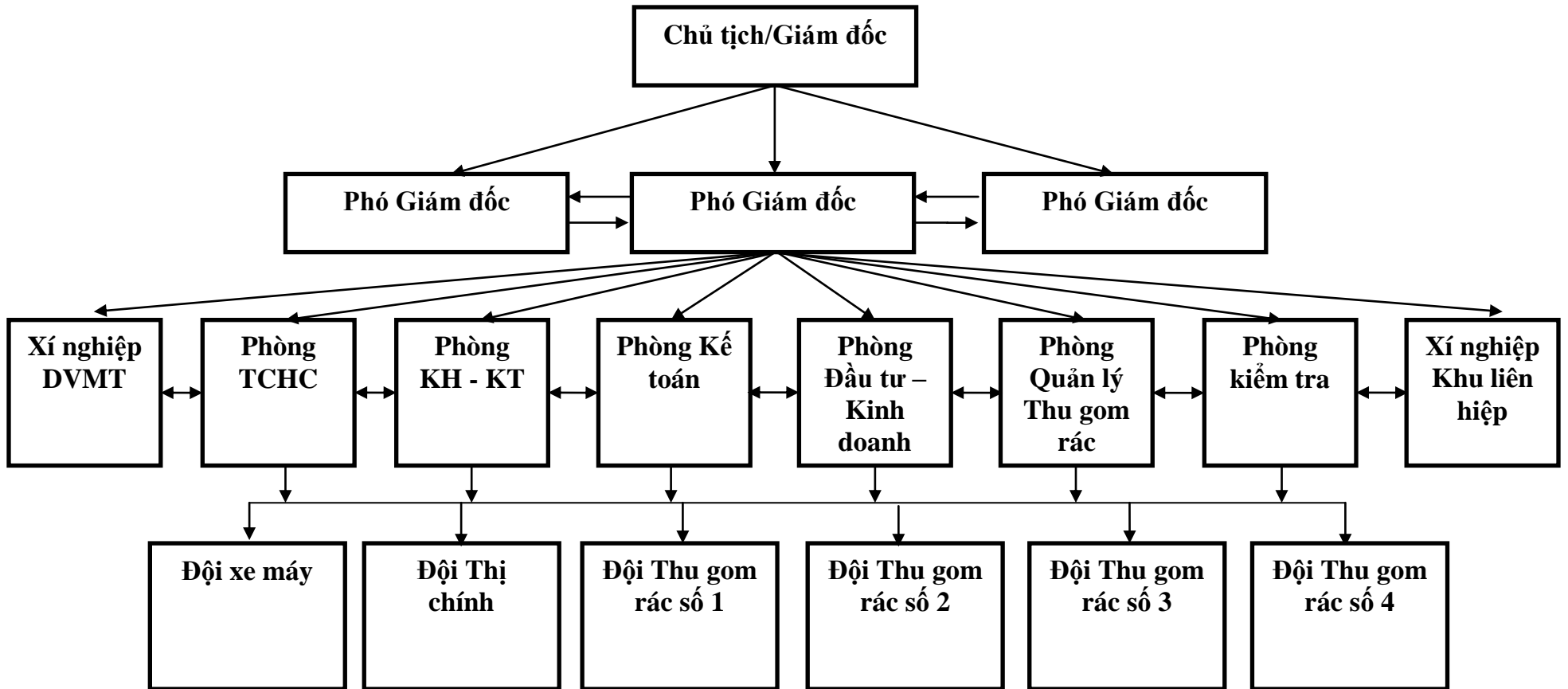
3. Cơ cấu tổ chức quản lý

3.1. Tổ chức bộ máy

- 01 Chủ tịch kiêm Giám đốc : Ông Hoàng Văn Khanh
- 03 Phó Giám đốc : Ông Nguyễn Trọng Tuệ
Ông Đặng Văn Bính
Ông Phú Văn Phụng
- 08 Phòng, Ban nghiệp vụ : Phòng Tổ chức Hành chính
Phòng Kế hoạch Kỹ Thuật
Phòng Kế toán,
Phòng Đầu tư – Kinh doanh
Phòng Quản lý đầu mối và thu phí VSMT
Phòng kiểm tra
- 02 Xí nghiệp Xí nghiệp dịch vụ môi trường
Xí nghiệp khu liên hiệp
- 06 Đơn vị trực thuộc : Đội xe máy
Đội Thị chính
Đội thu gom rác số 1
Đội thu gom rác số 2
Đội thu gom rác số 3
Đội thu gom rác số 4

3.2. Sơ đồ tổ chức

Hình 1: Sơ đồ tổ chức Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An



3.3. Chức năng, nhiệm vụ

- **Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty**

Là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật; quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Công ty trước Chủ sở hữu, trước pháp luật.

Chủ tịch kiêm Giám đốc thực hiện chức năng quản lý công ty, có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và tình hình tài chính của Công ty, là chủ tài khoản, phụ trách chung, có quyền điều hành cao nhất trong Công ty, chịu trách nhiệm trước UBND Tỉnh và Thành phố, trước tập thể CBCNV về mọi hoạt động của Công ty. Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty để quản lý, sử dụng vốn, đất đai và nguồn lực khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, sử dụng bảo toàn và phát triển vốn và kết quả hoạt động SXKD dịch vụ theo kế hoạch.

Tổ chức khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng về cơ sở vật chất và điều kiện sản xuất kinh doanh và dịch vụ của Công ty (Trừ trường hợp Ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ).

Phê duyệt các đề án phát triển sản xuất kinh doanh và dịch vụ, kế hoạch đầu tư, đơn giá, định mức, đề án tổ chức và quản lý để thực hiện trong nội bộ Doanh nghiệp hoặc trình cấp quản lý Nhà nước có thẩm quyền xem xét và quyết định.

Ban hành tất cả các Quyết định, văn bản có liên quan gửi đi các cấp các ngành và nội bộ Công ty.

Có biện pháp đảm bảo cho đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động ngày càng tốt hơn, có kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ khoa học kỹ thuật cho CBCNV nhằm phục vụ trực tiếp và có hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của đơn vị.

Tổ chức quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh – dịch vụ, thu chi tài chính và báo cáo kết quả hoạt động của Công ty đối với các cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chịu trách nhiệm thương thảo và ký kết các hợp đồng kinh tế đối với các khách hàng trong và ngoài thành phố.

Chịu trách nhiệm quyết định bổ nhiệm (hoặc ký hợp đồng theo quy định của Pháp luật), miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh Phó Giám đốc, Kế toán trưởng doanh nghiệp.

Trực tiếp chỉ đạo công tác kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng. Tài chính doanh nghiệp.

Chủ động phối hợp với Chủ tịch Công đoàn để ban hành Thỏa ước lao động tập thể cũng như chuẩn bị tốt các nội dung để tổ chức đại hội CNVC Công ty hàng năm theo quy định.

- **Các Phó Giám đốc**

Phó Giám đốc là người giúp và tham mưu cho Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Giám đốc; phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch công ty và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Tham mưu giúp việc cho Giám đốc trong việc tổ chức, điều hành Công tác sản xuất – dịch vụ và dự thảo đánh giá tình hình hoạt động của Công ty để trình bày trước các cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng của Công ty.

- Chủ động phối hợp với các Phó Giám đốc khác để tổ chức chỉ đạo Công tác thu gom rác thải trên địa bàn và trong các khối, xóm dân cư theo Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 29/3/2012 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Được giám đốc ủy quyền bằng văn bản để thương thảo và ký kết hợp đồng kinh tế trong các lĩnh vực: Xử lý vệ sinh môi trường, hút thông tắc hầm cầu, nạo vét mương, cống rãnh, đất đá xây dựng, sửa chữa và xây dựng các công trình vệ sinh và một số ngành nghề khác.

- **Phòng Tổ chức Hành chính**

- Thực hiện chức năng quản trị hành chính văn phòng, công tác thi đua khen thưởng, tuyên truyền cổ động và một số công tác khác do Giám đốc giao. Hướng dẫn công tác chuyên môn về soạn thảo văn bản và công tác văn thư lưu trữ tại các đơn vị trực thuộc. Trong lĩnh vực công nghệ thông tin, ứng dụng tin học phục vụ công tác quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức, triển khai và quản lý việc thực hiện

các dự án trang bị mới thiết bị tin học cho các đơn vị trực thuộc Công ty, hướng dẫn chuyên môn cho bộ phận công nghệ thông tin của các đơn vị trực thuộc Công ty.

- Trực thi đua, quân sự, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, thanh tra, tiếp dân,...

- Tham mưu cho Ban giám đốc công ty trong việc chuẩn bị các phương án về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, tiếp thu, thuyên chuyển, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng lương, nâng bậc, BHXH của người lao động, bảo hộ lao động và các chính sách liên quan đến tiền lương, tiền thưởng;

- Tham mưu cho chủ tịch và Ban Giám đốc xây dựng định mức lao động và công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- **Phòng Kế toán**

- Tham mưu cho Ban giám đốc về công tác quản lý tài chính, quản lý sử dụng vốn có hiệu quả, bảo toàn và phát triển các nguồn vốn trong phạm vi quản lý của Công ty.

- Hướng dẫn, theo dõi kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ của Nhà nước và Chủ sở hữu trong lĩnh vực quản lý tài chính kế toán.

- Tham mưu cho Giám đốc về công tác tổ chức kế toán phù hợp với các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty theo nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý, không ngừng cải tiến tổ chức bộ máy và công tác kế toán

- Xây dựng trình Ban Giám đốc công ty phê duyệt các phương án thu, chi, cấp phát, điều tiết vốn và thực hiện các quan hệ nộp và thanh toán vốn trong nội bộ cũng như đối với Nhà nước;

- Tham mưu cho Ban giám đốc tổ chức bộ máy kế toán để thực hiện nhiệm vụ theo pháp luật;

- Tổ chức hạch toán kế toán, thống kê, phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo quy định của Luật Kế toán;

- Quản lý vốn và tài sản của công ty theo chế độ tài chính hiện hành;

- Cùng với các phòng chức năng tham mưu cho Chủ tịch Công ty – Giám đốc về ký các hợp đồng kinh tế, theo dõi giám sát việc thực hiện các hợp đồng kinh tế;

- Tham mưu cho Ban giám đốc giá mua, bán vật tư, thiết bị và các nội dung công việc có liên quan đến công tác tài chính kế toán;

- Tiếp thu và triển khai đến các đơn vị trực thuộc công ty, các chính sách, chế độ về tài chính – kế toán; kiểm tra, tổng hợp quyết toán trong toàn công ty báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định;

- Tham gia thu hồi công nợ;

- **Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật**

- Tham mưu, giúp việc cho Ban giám đốc về công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và thống kê (bao gồm công tác xây dựng giá cước dịch vụ, công tác thương vụ; công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng ..); công tác tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác nguồn dịch vụ.

- Xây dựng kế hoạch định hướng phát triển trung, dài hạn, hàng năm, hàng quý, hàng tháng; xây dựng, định hướng kế hoạch kinh doanh; nghiên cứu, khảo sát, tìm kiếm cơ hội hợp tác. Tham mưu giúp Ban Giám đốc Công ty xây dựng các chỉ tiêu, kế hoạch tổng hợp về sản xuất kinh doanh, quản lý kinh tế, quản lý và sử dụng các nguồn vốn có hiệu quả.

- Lập và theo dõi việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn tài sản cố định, kế hoạch vật tư chủ yếu, kế hoạch sử dụng các nguồn vốn theo kế hoạch hàng năm và dài hạn của Công ty.

- Tổ chức thầu, lập hợp đồng kinh tế về giao, nhận thầu các công trình tư vấn, xây lắp, thuê nhà thầu phụ.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, các chế độ, chính sách của nhà nước trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng.

- Nghiên cứu thị trường, lập và trình duyệt phương án mở rộng thị trường, chiến lược quảng bá sản phẩm, quy trình tiếp cận và chăm sóc khách hàng.

- **Phòng Đầu tư – Kinh doanh**

- Tham mưu cho Giám đốc Công ty về các lĩnh vực: Đầu tư các dự án ngắn hạn, trung hạn và dài hạn và mô hình quản lý, khai thác thị trường rác thải xây dựng, mở rộng quy mô SXKD Dịch vụ của đơn vị, tạo thêm nhiều việc làm mới để tăng thu nhập cho người lao động, tiến tới đảm nhận thêm nhiệm vụ xây dựng, quản lý nghĩa trang Thành phố khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Lập phương án trình phê duyệt xong, đề án về công tác quản lý và thu gom rác thải xây dựng, trình UBND các cấp phê duyệt, lập phương án mở rộng quy mô SXKD tạo

nguồn thu cho đơn vị, tạo việc làm mới cho đội Thị chính, về lâu dài nâng cấp đội Thị chính thành Xí nghiệp để đảm bảo sự phát triển chung của công ty.

- Lập phương án trình xin chủ trương và phê duyệt xây dựng, quản lý nghĩa trang vĩnh hằng của Thành phố tại (Hung Tây, Hung Nguyên)
- Phối hợp với các phòng đội, Xí nghiệp trong công ty để triển khai thực hiện các dự án, phương án đã được các ngành các cấp và công ty phê duyệt.
- Có trách nhiệm kế thừa một phần các quyền lợi nghĩa vụ hợp pháp và tiếp tục xử lý các vấn đề tồn tại, phát sinh khác của một số bộ phận như: Phòng Kế hoạch Kỹ thuật và các phòng, đội liên quan đối với các khoản nợ khách hàng và các cơ quan, đơn vị liên quan kể từ ngày nhận bàn giao và đi vào hoạt động.

- **Phòng kiểm tra**

- Là phòng tham mưu giúp Giám đốc công ty trong việc kiểm tra giám sát chất lượng về công tác xử lý vệ sinh môi trường, chấp hành pháp luật lao động, an toàn vệ sinh lao động trong đơn vị.
- Tham mưu, phối hợp với cơ quan công an, cơ quan quân sự, các tổ chức đoàn thể, các phòng ban chuyên môn của Công ty trong việc quản lý vũ khí, chất dễ cháy, nổ, chất độc...
- Chủ động tham mưu, phối hợp với chính quyền, công an địa phương và các cơ quan đơn vị trên địa bàn xây dựng tốt cụm an toàn và an ninh trật tự trong khu vực.

- **Xí nghiệp dịch vụ môi trường**

- Chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản, trang thiết bị của Công ty giao cho xí nghiệp.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất của Xí nghiệp, cân đối lao động, quỹ tiền lương và kinh phí hoạt động để hoàn thành kế hoạch hàng năm.
- Quản lý và duy trì tốt công tác hạch toán tài chính theo hình thức báo sổ, hạch toán nội bộ, bảo đảm đúng chế độ và quy định của nhà nước và của công ty trên cơ sở pháp luật kế toán hiện hành.
- Được phép chủ động về nguồn tài chính để trả lương cho người lao động và chi phí trực tiếp cho sản xuất kinh doanh, trên nguyên tắc thực hiện chế độ khoán và trích nộp đầy đủ về các chỉ tiêu theo quy định cho Công ty.

- Mở rộng các loại hình hợp đồng dịch vụ môi trường như; bốc và vận chuyển rác phế thải, rác thải sinh hoạt ... cho các đối tượng khách hàng trong và ngoài Thành phố .
- Nhận nạo vét mương cống rãnh, đất đá , phế thải xây dựng, thông tắc hút hầm cầu, sửa chữa các công trình vệ sinh, các công trình dân dụng.
- Nhận và hợp đồng dịch vụ về lau kính rửa nhà với các Công ty, nhà hàng, khách sạn trong và ngoài thành phố.
- Chủ động phối hợp với phòng Kế toán, TCHC, KHKT để thanh quyết toán định kỳ và trích nộp các khoản nghĩa vụ đầy đủ như chế độ tiền lương, bảo hộ lao động, bảo hiểm XH, BHYT ... cho người lao động.
- Quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp DVMT theo quy định nhằm đảm bảo SXKD có lãi hàng năm.
- **Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên, Nghi Lộc**
 - Điều hành các xe vận chuyển chất thải vào đổ các loại chất thải đúng quy định;
 - Thực hiện nghiêm chỉnh nội quy về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ;
 - Thực hiện đúng các quy định bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ quy trình tiếp nhận chất thải, thực hiện cân khối lượng chất thải khi tiếp nhận vào bãi rác; Điều hành các xe vận chuyển chất thải đổ các loại chất thải đúng quy định; thực hiện nghiêm chỉnh nội quy về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ;
 - Có trách nhiệm thực hiện việc xử lý chất thải (bao gồm chất thải rắn không nguy hại và phân bùn bể phốt,) theo các phương pháp và hướng dẫn của các phòng nghiệp vụ chuyên môn liên quan trực tiếp thực hiện xử lý chất thải đô thị theo đúng quy trình. Không để nước rỉ rác chảy lan tràn ra khu vực chung quanh gây ô nhiễm. Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom nước rỉ rác chảy tràn ra khu vực vành đai, khuôn viên KLH gây ô nhiễm; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom nước rỉ rác và hệ thống xử lý phân bùn bể phốt trước khi nước rỉ rác chảy vào hệ thống xử lý;
 - Chịu trách nhiệm kiểm soát (qua cân điện tử) khối lượng chất thải vận chuyển đến KLH để xử lý. Quản lý việc rửa xe, hệ thống thiết bị phục vụ công tác rửa xe vận chuyển chất thải rắn trước khi ra khỏi bãi rác, đồng thời theo dõi , ghi chép các xe vận chuyển không xịt rửa sạch sẽ và lập biên bản vi phạm đối với các lái xe, chuyển biên bản về Công ty ra Quyết định xử phạt theo Quy định Công ty;

- Xí nghiệp phải xác định đúng thành phần chất thải được phép xử lý. Đối với chất thải do các đơn vị, tổ chức cá nhân không thuộc Công ty quản lý, khi đưa vào bãi phải có hợp đồng xử lý đã được ký kết giữa Công ty với đơn vị, hoặc ý kiến chỉ đạo của UBND Tỉnh Nghệ An.

- **Các đơn vị trực thuộc**

- Thực hiện sản xuất dịch vụ theo nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị.

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, dịch vụ, kế hoạch phát triển khách hàng và các loại kế hoạch khác phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh của đơn vị để trình Công ty duyệt.

- Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ Công ty giao hàng năm, quý, tháng.

- Quản lý vật tư, tiền vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Công ty giao để duy trì và phát triển sản xuất dịch vụ. Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ chính sách nhà nước ban hành, các nội quy, quy chế của Công ty.

- Có trách nhiệm đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của nhà nước đối với người lao động, ổn định đời sống về vật chất, tinh thần và việc làm cho công nhân viên chức thuộc đơn vị mình quản lý.

4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp 3 năm trước khi cổ phần hóa

4.1. Các hoạt động kinh doanh chính

a. Hoạt động công ích

- Thu gom, vận chuyển, xử lý: chất thải, nước thải; Bốc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải theo quy trình.

- Thu gom rác thải: sinh hoạt, xây dựng, cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình

- Sửa chữa, nạo vét hệ thống các mương cống thoát nước, vỉa hè và nhà vệ sinh...

b. Hoạt động kinh doanh

- Xây dựng các công trình: Dân dụng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước.

- Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, nạo vét hệ thống các mương cống thoát nước, vỉa hè và nhà vệ sinh
- Tổ chức thu phí vệ sinh và thu gom rác trong khu dân cư
- Tư vấn thiết kế các công trình: xử lý nước thải và vệ sinh môi trường;

4.2. Tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa

Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An đã hoàn thành tốt các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra như gom rác đường phố và khu dân cư ở thành phố Vinh, bốc vận chuyển rác thải sinh hoạt, xử lý rác tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên (Nghi Lộc); thu gom rác thải xây dựng, doanh thu từ thực hiện hàng năm theo hợp đồng đặt hàng với thành phố và các dịch vụ đều tăng

Xác định công tác thu phí vệ sinh môi trường là nhiệm vụ trọng tâm, hàng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch triển khai nhằm tăng thu đúng, thu đủ phí Vệ sinh môi trường. Từ năm 2013, UBND Thành phố Vinh giao cho các phường, xã trực tiếp làm nhiệm vụ thu phí đồng thời triển khai công tác thu gom rác trên địa bàn, đến tận hộ gia đình, khu dân cư. Đến nay, trên địa bàn thành phố có 375/378 khối, xóm, khu dân cư được triển khai thu gom rác (3 xóm đặc thù chưa được tổ chức thu gom) đạt 99%. Để đảm bảo công tác quản lý vệ sinh môi trường tốt hơn và nâng cao chất lượng thu gom rác, nâng cao thu nhập cho người lao động, Công ty xây dựng và áp dụng phương án thay đổi dần lực lượng vệ sinh viên ở các khối xóm bằng lực lượng công nhân của công ty. Mô hình chuyển đổi này được triển khai từ quý I/2014, hiện đạt 193 khối/378 khối xóm, chiếm 42%.

Bảng 1: Kết quả SXKD năm 2012 - 2014

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Doanh thu thuần	30.703.424.695	40.430.869.108	53.864.106.303
2	Lợi nhuận thuần	(317.698)	(236.533.794)	(7.141.719.137)
3	Thuế thu nhập DN	-	1.866.000	-
3	Thu nhập BQ người LĐ/tháng	4.200.000	4.200.000	4.200.000

Nguồn: Báo cáo hoạt động SXKD Công ty TNHH MTV MT-ĐT tỉnh Nghệ An

Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An hàng năm có doanh thu lợi nhuận tăng trưởng. Năm 2012, doanh thu Công ty chỉ đạt 30,7 tỷ đồng; đến năm 2013, doanh thu tăng 12% so với 2012 đạt 40,4 tỷ đồng. So với năm 2010, năm 2014 tổng doanh thu đạt trên 53,8 tỷ đồng, tăng 30%, nhịp độ tăng trưởng bình quân đạt trên 61%, tăng gấp 3,5 lần. Nhờ đó thu nhập người lao động ngày càng được nâng cao, 100% lao động có việc làm, thu nhập bình quân đầu người đạt 4,2 triệu đồng/người/tháng, tăng 30% so với năm 2010.

Năm 2013 và 2014 công ty chịu sự suy giảm doanh thu cũng như lợi nhuận mạnh bởi các nguyên do chủ yếu sau:

Thứ nhất, Nghệ An trở thành trọng tâm phát triển mới của các tỉnh miền Trung. Công ty không những được hưởng sự thuận lợi trong tương lai, song còn phải đối mặt với nhiều thách thức hơn. Sự cạnh tranh từ các công ty môi trường khác trong tỉnh và các vùng lân cận khiến mảng hoạt động kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn, làm giá thầu các công trình và dự án thấp hơn trước đây.

Thứ hai, khung giá thầu cho các dịch vụ của ngành đang bị điều chỉnh theo xu hướng thấp khiến doanh thu của công ty cũng ảnh hưởng không nhỏ tại cả thời điểm hiện tại và trong những năm tới.

4.3. Cơ cấu chi phí của Công ty

Năm 2013, tổng chi phí gần 30,7 tỷ đồng. Tiếp đến năm 2014, tổng chi phí cho các hoạt động Công ty tăng 32% là 40,6 tỷ và đến năm 2014 gần 62 tỷ đồng.

Cơ cấu các loại chi phí so với doanh thu thuần của Công ty trong thời gian qua như sau:

Bảng 2: Cơ cấu chi phí 2012 - 2014

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	2012	%	2013	%	2014	%
Giá vốn hàng bán	25,618,799,994	83.4	32,393,457,904	79.6	49,350,926,073	79.8
Chi phí bán hàng		0.0	-	0.0		0.0

Chỉ tiêu	2012	%	2013	%	2014	%
	-				-	
Chi phí tài chính	-	0.0	97,500,000	0.2	67,500,000	0.1
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,113,641,938	16.6	8,197,082,742	20.1	11,603,280,068	18.8
Chi phí khác	-	0.0	-	0.0	787,139,000	1.3
Tổng chi phí	30,732,441,932	100.0	40,688,040,646	100.0	61,808,845,141	100.0

Nguồn: BCTC Công ty TNHH MTV MT-ĐT tỉnh Nghệ An

Hoạt động công ích là nhiệm vụ chính của đơn vị, công ty tập trung đầu tư trong công tác hoạt động sản xuất dịch vụ. Luôn đảm bảo tiến độ và chất lượng dịch vụ theo yêu cầu hợp đồng đặt hàng của UBND TP Vinh và các đơn vị phụ cận.

Cơ cấu doanh thu của Công ty

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu 2012 – 2014

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	2012	2013	2014
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.703.424.695	40.430.869.108	53.864.106.303
2. Doanh thu hoạt động tài chính	28.699.539	20.637.744	15.880.701
3. Thu nhập khác	9.335.000	244.245.008	855.383.000
TỔNG	30.741.459.234	40.695.751.860	54.735.370.004

Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty TNHH MTV MT-ĐT Nghệ An

Hoạt động cung cấp dịch vụ công ích cũng đồng thời là hoạt động mang lại tỷ suất lợi nhuận gộp cao nhất cho Công ty, tiếp đến là hoạt động xây dựng và các hoạt động khác.

Những năm gần đây, trong thực tế chỉ tiêu kế hoạch tài chính được phê duyệt năm sau không cao hơn năm trước, điều kiện làm việc của công nhân đa phần ban đêm, nặng nhọc, độc hại, thu nhập còn thấp; xác định nhiệm vụ chuyên môn là hàng đầu, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An đã hoàn thành tốt các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra như gom rác đường phố và khu dân cư ở Thành phố Vinh, bốc vận chuyển rác thải sinh hoạt, xử lý rác tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên (Nghi Lộc); thu gom rác thải xây dựng, doanh thu từ thực hiện hàng năm theo hợp đồng đặt hàng với thành phố và các dịch vụ đều tăng.

Trong quá trình hoạt động và phát triển năm 2013 và 2014, trước những ảnh hưởng của nền kinh tế vĩ mô, lạm phát, thiếu vốn, chủ trương hạn chế đầu tư dẫn đến nhu cầu về lao động giảm, công tác tìm và đào tạo việc làm gặp nhiều khó khăn. Song, bằng sự nỗ lực phấn đấu của tập thể CBCNV Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An đã cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, duy trì và phát triển sản xuất, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, thực hiện nghiêm chỉnh chế độ chính sách của nhà nước với người lao động.

4.4. Cơ cấu lợi nhuận của Công ty

Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận 2012 - 2014

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	2012	2013	2014
1. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.084.624.701	8.037.411.204	4.513.180.230
2. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(317.698)	(236.533.794)	(7.141.719.137)
3. Lợi nhuận khác	9.335.000	244.245.008	68.244.000
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.017.302	7.711.214	(7.073.475.137)
5. Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	1.866.000	-

Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty TNHH MTV MT-ĐT Nghệ An

Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty trong 3 năm 2012,2013 và 2014 đang có xu hướng giảm dần thể hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm của Công ty. Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An có lợi thế là đơn vị chủ yếu - cung ứng các dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Nghệ An nhưng do kinh phí hoạt động còn chưa đáp ứng đủ khối lượng dịch vụ đặt hàng, do đó chưa đạt được hiệu quả tương xứng. Bên cạnh đó, Công ty chưa sử dụng nợ vay để tài trợ cho hoạt động đầu tư nên ít chịu ảnh hưởng từ sự biến động kinh tế trong những năm qua, đặc biệt là biến động về lãi suất.

4.5. Các dự án đã và đang triển khai

Để đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, Công ty đã chủ động tìm kiếm đối tác kinh tế, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Lĩnh vực sản xuất dịch vụ đã ký kết được nhiều hợp đồng với khách hàng nội và ngoại tỉnh như các huyện Hưng Nguyên, Nghi Lộc, Quỳnh Lưu, TX. Cửa Lò, tỉnh Hà Tĩnh...

Bảng 5: Danh sách và tiến độ dự án đã và đang triển khai

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khách hàng	Số hợp đồng	Ngày ký kết	Nội dung	Giá trị theo hợp đồng
1	CTCP Môi trường Cây xanh Nghi Lộc	08/HĐ-KT	14/01/2015	Tập kết và xử lý rác thải sinh hoạt	70.000 đồng/ tấn (Chưa bao gồm VAT)
2	CTCP Khách sạn giao tế Nghệ An	01/HĐ-KT	01/01/2015	Đẩy rác ra ngoài đường và vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý rác tại bãi rác Nghi Yên, Nghi Lộc, Nghệ An.	1.500.000 đồng/tháng (khối lượng 06 xe gom rác)
3	CTCP Môi trường Cây xanh và Xây dựng Hưng	07/HĐ-KT	.../.../2015	Tập kết và xử lý rác thải sinh hoạt của Cơ quan Công ty.	70.000 đồng/tấn (Chưa bao gồm VAT)

	Nguyên				
4	CT TNHH Nhựa Thiếu ziên Tiên Phong Miền Trung	13/HĐ-KT	02/01/2015	Cầu, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, trong khuôn viên khu vực cơ quan Công ty và xử lý rác tại bãi rác Nghi Yên, Nghi Lộc, Nghệ An.	+ Bốc và vận chuyển rác sinh hoạt: 196.125 đồng/m ³ + Xử lý rác thải: 70.000 đồng/m ³
5	CTCP Đầu tư và Xây dựng Tràng An	02/HĐ-KT	06/01/2015	Cầu, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, trong khuôn viên khu vực cơ quan Công ty	4.000.000 đồng/tháng (2 ngày/lần cầu)
6	CT TNHH MTV Tân Khánh An	03/HĐ-KT	05/01/2015	Cầu, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, trong khuôn viên khu vực cơ quan Công ty xử lý rác tại bãi rác Nghi Yên, Nghi Lộc, Nghệ An	2.475.000 đồng/tháng

Nguồn: Công ty TNHH MTV MT-ĐT Nghệ An

4.6. Công nghệ hiện tại đang áp dụng, lợi thế của công nghệ

4.6.1. Trình độ công nghệ

So với các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực hiện nay, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An thuộc nhóm doanh nghiệp có trình độ công nghệ trung

binh. Tuy nhiên phương tiện vận tải chưa được cải tiến, đầu tư phù hợp với công nghệ hiện nay, bắt kịp xu hướng sản xuất. Để đảm bảo các đơn vị trực thuộc luôn đảm bảo năng suất tốt, Công ty luôn chú trọng công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng, bảo trì phục vụ việc sửa chữa nhỏ và thay thế phụ tùng của các thiết bị, máy móc khi cần thiết. từng bước nâng cao hiệu quả trong việc xử lý rác và vệ sinh môi trường

4.6.2. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công ích, cung ứng dịch vụ, công ty đã tập trung nhiều về nhân vật lực, tăng cường công tác quản lý điều hành sản xuất, tổ chức duy trì thường xuyên có nề nếp trên các lĩnh vực kinh doanh và hoạt động dịch vụ khác..

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập thành phố Vinh và đón nhận Huân chương độc lập hạng Ba, ý tưởng lắp đặt bồn rác xanh để phục vụ du khách bỏ rác thải nhưng vẫn tạo mỹ quan đô thị cho thành phố Vinh được lãnh đạo Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An triển khai thực hiện. Công ty đã chọn phương án làm bồn rác bằng bê tông thành mỏng đúc sẵn, sơn xanh, có cửa bỏ rác, lấy rác phía bên dưới, ngăn trên cùng dùng để làm chậu trồng cây hoa cảnh. Chất liệu bê tông thành mỏng hóa giải được những yếu điểm của thùng rác bằng nhựa trước đây, có thể chịu được sự khắc nghiệt của thời tiết miền Trung, không bị lấy trộm, có cây xanh phía trên tạo nên sự hài hòa, đẹp mắt.

Công ty đã lắp đặt các bồn rác xanh trên vỉa hè tại các tuyến đường chính xung quanh Quảng trường Hồ Chí Minh như: đường Hồ Tùng Mậu, Trường Thi, Nguyễn Du và Lê Mao. Để bảo quản và vận hành tốt các bồn rác,



Lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty đạt nhiều thành tựu đáng kể; Công ty đã phối kết hợp với nhà thầu, chỉ đạo Ban quản lý đẩy mạnh tiến độ xây dựng và đưa vào sử dụng Khu liên hợp xử lý rác thải rắn Nghi Yên năm 2013. Hoàn thành xây dựng trụ sở

làm việc của Công ty và đưa vào sử dụng năm 2011 với tổng kinh phí trên 14,8 tỷ đồng. Hoàn thành thủ tục đầu tư và khởi công xây dựng ô chôn lấp 2A, 2B Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên, quy hoạch xây dựng nghĩa trang cát táng vừa và nhỏ ở thành phố Vinh (Nghi Kim, Nghi Liên, Hưng Hòa). Nhờ đó, Công ty đã giải quyết cơ bản những tồn đọng, ách tắc trong quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn cả TP. Vinh và các vùng phụ cận.

4.6.3. Hoạt động marketing

Uy tín của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An được xây dựng chủ yếu nhờ vào chất lượng dịch vụ mà Công ty cung cấp và kinh nghiệm trong những năm qua. Hơn nữa, để tạo điều kiện cho việc phát triển hoạt động trong tương lai, bộ phận phụ trách kinh doanh của Công ty cũng đã có những hoạt động nghiên cứu thị trường, từng bước mở rộng mô hình công tác tại địa bản tỉnh và các vùng phụ cận. Cùng với đó, việc sử dụng các công cụ như đăng báo, quảng cáo,... để quảng bá hình ảnh đến công chúng cũng đã được công ty áp dụng.

4.7. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

4.7.1. Nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Hiện nay, Công ty đang sử dụng ổn định các nguyên vật liệu, thiết bị sản xuất trong nước phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích gồm: xăng, dầu, nhớt, vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng các loại, xe ô tô vận chuyển rác, xe gom rác đẩy tay và một số sản phẩm cơ khí chế tạo,... Về chế độ ưu đãi: phần lớn nhà cung cấp đều chấp thuận phương thức trả chậm hoặc thanh toán theo thời gian hoạch định khi công ty có yêu cầu và luôn giữ mối quan hệ tốt. Giá cả nguyên vật liệu có ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất của Công ty nhưng đơn vị cố gắng tiết kiệm tối đa chi phí để bù đắp.

Với lĩnh vực hoạt động chính là cung cấp dịch vụ công ích, nguồn cung ứng nguyên vật liệu của Công ty trong các hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải: Xăng dầu là nguồn nhiên liệu chính để Công ty hoạt động thu gom và vận chuyển rác;

4.7.2. Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Nhìn chung, do các loại nguyên vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty khá đơn giản và phổ biến nên Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An có nhiều thuận lợi trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp với mức giá hợp lý và nguồn cung ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Có thể nói Công ty TNHH

MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An có nguồn cung cấp nguyên, nhiên vật liệu ổn định, giúp Công ty chủ động được trong sản xuất, đảm bảo phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

4.7.3. Ảnh hưởng của nguyên vật liệu đầu vào tới doanh thu lợi nhuận

Trong những năm qua do nền kinh tế đất nước chịu ảnh hưởng chung của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu biến động liên tục theo giá điện, xăng dầu; giá hàng hóa dịch vụ tăng cao cũng gây ra những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng, bảo trì phương tiện thiết bị triển khai thực hiện ở cơ sở còn nhiều hạn chế, chưa được đẩy mạnh và triển khai triệt để.

5. Thuận lợi và khó khăn trước cổ phần hóa

5.1. Thuận lợi

- Trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ từ khi thành lập đến nay Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An luôn củng cố, đổi mới và đã dần lớn mạnh phát triển về mọi mặt. Công ty với một đội ngũ cán bộ, nhân viên kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm lâu năm đã tạo dựng vững chắc thương hiệu uy tín trong ngành.
- Ban lãnh đạo Công ty là một tập thể đoàn kết, thống nhất trong việc hoạch định, tạo được niềm tin với cán bộ công nhân viên toàn Công ty với những quyết sách đúng hướng và kịp thời, nắm bắt được thời cơ của thị trường trong ngành, tránh được tối đa rủi ro gặp phải.
- Luôn giành được sự ủng hộ, giúp đỡ của UBND tỉnh, Thành uỷ, UBND TP Vinh, Ban, Ngành trong việc đổi mới sắp xếp doanh nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty, có mục tiêu và phương hướng đúng, sát, các tổ chức đoàn thể thực hiện có hiệu quả.
- Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công ích, phục vụ nhu cầu công cộng cho người dân là một lĩnh vực đầy triển vọng và tiềm năng phát triển
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty tương đối ổn định. Đồng thời, Công ty cũng nhận được sự quan tâm hỗ trợ chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo, các ban ngành chuyên môn về mọi mặt, ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên có sự nhất trí cao, tâm huyết vì mục tiêu phát triển chung của công ty nên công ty vẫn chủ động điều hành sản xuất với các biện pháp tổ chức tích cực. Do vậy, sản xuất ổn định từ đầu năm

đến cuối năm không bị gián đoạn, trình độ của cán bộ quản lý, chuyên viên được nâng lên rõ rệt. Việc điều hành sản xuất cũng được rút kinh nghiệm từ những năm thực hiện giao dự toán do vậy sản xuất đến đâu khối lượng được nghiệm thu quyết toán tới đó nên việc thanh toán cũng kịp thời, cơ bản giá trị quyết toán thực hiện được đầy đủ không còn nợ đọng. Công ty vừa thanh toán khối lượng mới phát sinh vừa kết hợp giải quyết những món nợ tồn đọng một cách tích cực. Hầu hết khối lượng nhận đặt hàng công ty đều thực hiện đầy đủ nhiều chỉ tiêu vượt kế hoạch và đảm bảo chất lượng.

- Với hướng phát triển đa dạng trong ngành nghề, lĩnh vực, hoạt động cải thiện môi trường, chăm sóc các công trình công cộng góp phần gia tăng kết quả kinh doanh của Công ty. Việc Doanh nghiệp đổi mới sang hình thức Công ty cổ phần sẽ đóng góp nhiều lợi ích hơn cho đất nước, mang lại nhiều lợi ích hơn cho người lao động.

5.2. Khó khăn

- Mô hình TNHH Một thành viên hiện đang được duy trì mặc dù tạo điều kiện cho công tác quản lý của Nhà nước tốt hơn, song đang bộc lộ những điểm yếu trong việc tham gia vào cơ chế thị trường. Cách thức tổ chức hoạt động còn chưa linh hoạt, chưa thể tối đa hóa lợi nhuận tiềm năng của ngành mà công ty đang hoạt động.

- Sự cạnh tranh quyết liệt trên thương trường do số lượng các công ty hoạt động cùng lĩnh vực kinh doanh ngày càng gia tăng đã khiến cho tình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn.

- Là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong môi trường độc hại, trong khi nguồn kinh phí để đầu tư cho công tác xử lý rác và vệ sinh môi trường đang còn hạn hẹp, ý thức bảo vệ môi trường của một số người dân chưa cao, chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc giữ gìn vệ sinh môi trường: vứt rác bừa bãi...nên công tác xử lý vệ sinh môi trường đang gặp rất nhiều khó khăn

- Hệ thống máy móc thiết bị cần vốn để đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị hiện đại, mở rộng và kinh doanh vật tư. Vì vậy việc tân trang và mua sắm các thiết bị mới để nâng cao chất lượng dịch vụ là nhu cầu bức thiết trong khi nguồn vốn để đầu tư khá hạn chế.

- Trong quá trình hội nhập kinh tế và phát triển kinh tế thị trường, Công ty cũng bị ảnh hưởng bởi các nhân tố, khó khăn chung từ tình hình chung của kinh tế thế giới, trong nước suy giảm, hạn chế đầu tư công, cơ chế quản lý không ổn định... đã có những tác động không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Thực trạng của Doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

6.1. Thực trạng về tài sản

Bảng 6: Thực trạng tài sản theo giá trị kế toán tại ngày 30/9/2014

Đơn vị tính: Đồng

TT	Loại tài sản	Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5 = 3 - 4</i>
A.	Tài sản đang dùng	66.326.269.401	14.472.283.757	51.853.985.644
I-	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	51.743.258.231	14.472.283.757	37.270.974.474
1.	Tài sản cố định	44.162.472.575	10.623.849.184	33.538.623.391
a.	Nhà cửa, vật kiến trúc	16.856.847.000	646.616.328	16.210.230.672
b.	Máy móc thiết bị			
c.	Phương tiện vận tải	26.780.459.075	9.892.520.332	16.887.938.743
d.	TSCĐ khác	525.166.500	84.712.524	440.453.976
3.	Chi phí XDCCB dở dang	235.247.158		235.247.158
4.	Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn			
5.	Chi phí trả trước dài hạn	7.345.538.498	3.848.434.573	3.497.103.925
II-	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	14.583.011.170		14.583.011.170
1.	Tiền	429.890.130		429.890.130
-	Tiền mặt tồn quỹ	289.456.150		289.456.150
-	Tiền gửi Ngân hàng	140.433.980		140.433.980
-	Tiền đang chuyển			
2.	Đầu tư tài chính ngắn hạn			
3.	Các khoản phải thu	3.255.381.967		3.255.381.967
4.	Vật tư hàng hoá tồn kho	483.429.800		483.429.800
5.	Tài sản lưu động khác	3.562.673.317		3.562.673.317
6.	Chi phí sự nghiệp	6.851.635.956		6.851.635.956
B.	Tài sản không cần dùng			
I-	TSCĐ và đầu tư dài hạn			

II-	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn			
C.	Tài sản chờ thanh lý			
D.	Tài sản hình thành từ quỹ KT, PL			
	<u>Tổng cộng</u>	66.326.269.401	14.472.283.757	51.853.985.644

Nguồn: Biên bản xác định GTDN Công ty TNHH MTV MT-ĐT Nghệ An

Phương tiện vận tải:

Nguyên giá của phương tiện vận tải được đầu tư sau thời điểm 30/9/2011 được xác định trên cơ sở giá gốc. Nguyên giá của máy móc thiết bị đầu tư trước thời điểm 30/9/2011 được xác định lại căn cứ theo giá trị thị trường tại thời điểm đánh giá của tài sản đó hoặc tài sản cùng loại có công năng và/hoặc tính chất tương đương. Trường hợp không có bằng chứng chắc chắn để xác định giá trị của các tài sản tương đương thì nguyên giá được tính theo giá trị ghi sổ kế toán:

Phương tiện vận tải	Nguyên giá (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Giá trị sổ sách kế toán	26.780.459.075	16.887.938.743
Giá trị đánh giá lại	29.738.902.924	17.583.920.233
Chênh lệch	2.958.443.849	695.981.490

6.2. Thực trạng về tài chính và công nợ

Chi tiết đối chiếu xác nhận các khoản phải thu như sau:

	Số liệu theo sổ sách kế toán	Số đã đối chiếu, hồ sơ giải trình	Tỷ lệ đối chiếu, giải trình
Các khoản phải thu	3.255.381.967	3.255.381.967	-

(Nguồn: BCTC Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An)

Sau khi xác định lại, số dư của các khoản phải trả của Công ty như sau:

	Số liệu theo sổ kế toán (VND)	Số xác định lại (VND)	Chênh lệch (VND)
Phải trả cho người bán	132.265.000	132.265.000	0

Người mua trả tiền trước	5.221.925.806	5.221.925.806	0
Phải trả nội bộ	514.092.968	514.092.968	0
Phải trả phải nộp khác	1.007.072.095	1.007.072.095	0
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.007.319.945	1.007.319.945	0
Tổng cộng	7.882.675.814	7.882.675.814	0

Nguồn: Biên bản xác định GTDN Công ty TNHH MTV MT-ĐT Nghệ An

6.3. Thực trạng sử dụng đất

Căn cứ:

- Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ;
- Thông tư 83/2007/TT-BTC ngày 16/7/2007 của Bộ Tài chính;
- Quyết định số 410/QĐ-UBND.DC ngày 22/10/2013 của UBND tỉnh Nghệ An về việc cho Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An thuê đất tại xã Đông Hưng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;
- Hợp đồng thuê đất số 173/HĐ-TĐ ngày 20/11/2013 giữa UBND tỉnh Nghệ An và Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An

Hiện trạng sử dụng đất

- Diện tích cho thuê: 6.766,8 m²
- Vị trí khu đất: Tại xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Thời hạn cho thuê đất: Cho đến hết ngày 22 tháng 10 năm 2048
- Hình thức nộp tiền thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm

STT	Hạng mục công trình	Diện tích đất xây dựng	Tổng diện tích sàn	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng
1	Trụ sở làm việc	389.7	1169.1	BTCT	III	3
2	Hội trường	365.0	365.0	BTCT	IV	1

6.4. Thực trạng về lao động

Cho tới thời điểm sắp xếp, chuyển đổi tại 30/09/2015. (thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp), tổng số nhân viên của Công ty là 507 người. Cơ cấu lao động như sau:

Bảng 8: Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/09/2015

TT	Nội dung	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
	Phân loại theo thời hạn hợp đồng	507	100%
1	Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ (Nhà nước bổ nhiệm)	05	0,99
2	HĐLĐ không xác định thời hạn.	340	67,06
3	HĐLĐ xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm.	162	31,95
4	HĐLĐ dưới 1 năm	0	0
	Phân loại theo trình độ lao động	507	100%
1	Đại học	50	9,86
2	Cao đẳng	07	1,38
3	Trung cấp	03	0,59
4	CN kỹ thuật, LĐPT, trình độ khác	447	88,17
	Phân loại theo giới tính	507	100%
1	Nam	227	44,77
2	Nữ	280	55,23

(Nguồn: Công ty TNHH MTV MT-ĐT tỉnh Nghệ An)

Trình độ văn hóa, nghiệp vụ chuyên môn, lý luận chính trị của cán bộ công nhân viên trong Công ty không đồng đều. Số người thuộc trình độ phổ thông trung học chiếm tỷ trọng lớn nhất (88,17%), trong đó Đại học chiếm tỷ trọng cao thứ 2 (9,86%).

Bên cạnh quan tâm bổ nhiệm cán bộ, Công ty đã tạo điều kiện cho 12 người học đại học nâng cao kiến thức chuyên môn, 5 người được bồi dưỡng về lý luận chính trị. Về công tác xây dựng đảng, hàng năm công ty làm tốt công tác đánh giá, phân loại tổ chức

đảng và đảng viên; bồi dưỡng, kết nạp Đảng viên. Kết quả trong 4 năm qua đã kết nạp 37 đồng chí (tăng 29 đồng chí so với chỉ tiêu Nghị quyết). Đặc biệt, Công ty đã tổ chức 4 cuộc kiểm tra tại 5 chi bộ về thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ, Điều lệ Đảng; xử lý đơn thư kiến nghị nhằm làm trong sạch bộ máy lãnh đạo, quản lý tại Công ty.

Nguồn nhân lực của Công ty có những điểm mạnh sau:

- Cơ cấu đội ngũ lao động tương đối phù hợp về trình độ (theo các cấp độ đào tạo khác nhau phù hợp với công việc đảm nhận) và về kinh nghiệm làm việc.
- Đội ngũ cán bộ được đào tạo tương đối bài bản, có kỹ năng và kiến thức tốt về lĩnh vực quản lý, công tác xử lý vệ sinh môi trường.
- Cán bộ công nhân viên đều gắn bó, tâm huyết với Công ty, trong đó, lao động có Hợp đồng không xác định thời hạn chiếm hơn 67%. Các cán bộ công nhân viên trong Công ty đều có ý thức chấp hành kỷ luật và lao động tốt.

7. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và những vấn đề cần tiếp tục xử lý

7.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	51.853.985.644	53.467.775.281	1.613.789.637
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	37.270.974.474	38.884.764.111	1.613.789.637
1. Tài sản cố định	33.538.623.391	33.929.591.028	390.967.637
a. Tài sản cố định hữu hình	33.538.623.391	33.929.591.028	390.967.637
b. Tài sản cố định vô hình			

c. Bất động sản đầu tư			
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	235.247.158	235.247.158	
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn			
5. Chi phí trả trước dài hạn	3.497.103.925	4.719.925.925	1.222.822.000
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	14.583.011.170	14.583.011.170	1.613.789.637
1. Tiền	429.890.130	429.890.130	
Tiền mặt tồn quỹ	289.456.150	289.456.150	
Tiền gửi ngân hàng	140.433.980	140.433.980	
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn			
3. Các khoản phải thu	3.255.381.967	3.255.381.967	
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	483.429.800	483.429.800	
5. TSLĐ khác	3.562.673.317	3.562.673.317	
6. Chi phí sự nghiệp	6.851.635.956	6.851.635.956	

III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp			
IV. Giá trị quyền sử dụng đất			
B. Tài sản không cần dùng			
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn			
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn			
C. Tài sản chờ thanh lý			
D. Tài sản hình thành từ quỹ KTPL			
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP	51.853.985.644	53.467.775.281	1.613.789.637
<i>Trong đó:</i> Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp (Mục A)	51.853.985.644	53.467.775.281	
E1. Nợ thực tế phải trả	7.882.675.814	7.882.675.814	
<i>Trong đó:</i> Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN			
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	7.000.000.000	7.000.000.000	
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	36.971.309.830	38.585.099.467	1.613.789.637

7.2. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

- Về quyết toán thuế, theo Khoản 2 Điều 21 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP: “Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn thành việc lập báo cáo tài chính tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp, thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, đề nghị cơ quan thuế kiểm tra quyết toán thuế, thực hiện quyết toán, xác định giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và các tồn tại về tài chính cần tiếp tục xử lý”
- Công ty có trách nhiệm tiếp tục đối chiếu, xác nhận các khoản phải trả theo quy định và điều chỉnh các khoản chênh lệch (nếu có) cho phù hợp trước khi Công ty chính thức chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.
- Kết quả sản xuất kinh doanh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần sẽ được xử lý theo Chế độ kế toán tài chính hiện hành của Nhà nước.

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Cơ sở pháp lý của việc Cổ phần hóa

1.1. Các văn bản quy định về Cổ phần hóa

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản có liên quan.
- Căn cứ quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước.
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 20/10/2014 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Thông tư số 106/2008/TT-BTC ngày 17/11/2008 của Bộ tài chính hướng dẫn kế toán khi chuyển đổi DNNN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

1.2. Văn bản chỉ đạo cổ phần hóa Công ty

- Văn bản số 2449/TTg-ĐMDN ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011-2015;
- Căn cứ Quyết định số 3073/QĐ-UBND ngày 03/07/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thực hiện cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An.

- Căn cứ Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 03/07/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An;
- Căn cứ Quyết định số 125/QĐ-BCĐCPH ngày 29/07/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An;
- Quyết định số 3772/QĐ-UBND ngày 25/08/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An;

2. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ theo Văn bản số 2449/TTg-ĐMN của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước của UBND tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011-2015 và quy định tại Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần:

- Hình thức cổ phần hóa: Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An chuyển thành Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An. Sau khi cổ phần hóa, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2014.
- Phương thức: **Nhà nước giữ 51% tổng số cổ phần của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An**

3. Mục tiêu cổ phần hóa

- Mục tiêu, yêu cầu của việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An tuân theo chủ trương của Chính phủ theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.
- Chuyển đổi những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn sang loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu; huy động vốn của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Đảm bảo hài hoà lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp..
- Nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp, tận dụng nguồn lực từ xã hội giúp doanh nghiệp nhanh nhạy hơn với hoạt động kinh doanh của ngành, phát triển sản xuất kinh

doanh, bố trí đủ việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước.

- Huy động vốn của các Nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng hơn, sử dụng nguồn tài chính huy động được nâng cao năng lực Tài chính, đổi mới công nghệ, kỹ thuật, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế;
- Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường; khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp; gắn với phát triển trị trường vốn, thị trường chứng khoán.

4. Tên công ty cổ phần

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN**

Tên tiếng anh : Nghe An Urban Environment and Works Joint Stock Company`

Tên viết tắt : NAU

Địa chỉ trụ sở chính : Số 360 - Đường Đặng Thai Mai – Thành phố Vinh – Nghệ An

Điện thoại : (038) 3564 960; 0383 564962

Fax : (038) 3561 747

Vốn điều lệ dự kiến : 38.585.100.000 đồng (Ba mươi tám tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng)

Công ty Cổ phần Môi trường và công trình Đô thị Nghệ An có:

- Tư cách pháp nhân kể từ ngày đăng ký kinh doanh.
- Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập.
- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.
- Được tổ chức và hoạt động theo điều lệ của công ty cổ phần và Luật doanh nghiệp, được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hoá tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp

➤ Quyết định số 3772/QĐ-UBND ngày 25/08/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An.

➤ Tổng giá trị thực tế của Công ty TNHH Một thành viên Môi trường và Đô thị tỉnh Nghệ An để cổ phần hoá là 53.467.775.281 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi ba tỷ bốn trăm sáu bảy triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm tám mươi một đồng*).

➤ Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH Một thành viên Môi trường và Đô thị tỉnh Nghệ An là 38.585.099.467 đồng (*Bằng chữ: Ba tám tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu không trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*).

6. **Vốn điều lệ của Công ty cổ phần**

- *Vốn điều lệ (làm tròn): 38.585.100.000 đồng*
- *Tổng số cổ phần phát hành: 3.858.510 cổ phần*
- *Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông*
- *Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.*

7. **Cơ cấu vốn điều lệ**

Bảng 9: Cơ cấu vốn điều lệ

TT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	1.967.841	19.678.410.000	51,00
2	Bán cho người lao động	703.300	7.033.000.000	18,22
	Người lao động theo số năm làm việc khu vực nhà nước	351.700	3.517.000.000	9,11
	Người lao động cam kết làm việc lâu dài	351.600	3.516.000.000	9,11
3	Bán cho nhà đầu tư chiến lược	0	0	0
4	Bán đấu giá cho Cổ đông bên ngoài	1.187.369	11.873.690.000	30,78
	Tổng	3.858.510	38.585.100.000	100

8. Loại cổ phần và phương thức phát hành

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (số cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết). Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

9. Xác định giá bán khởi điểm và phương án bán cổ phần

9.1. Xác định giá bán khởi điểm

Việc xác định giá khởi điểm của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An có thể tham khảo 2 phương pháp cụ thể sau đây:

- **Phương pháp 1: Phương pháp tài sản ròng**

$$\text{Giá cổ phiếu} = \frac{\text{Giá trị tài sản ròng}}{\text{Số lượng cổ phiếu định phát hành}}$$

Tại Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An

$$\begin{aligned} \text{Giá trị tài sản ròng} &= (\text{Giá trị tài sản sau khi đánh giá} - \text{nợ phải trả sau khi đánh giá}) \\ &= 38.585.099.467 \text{đồng} \end{aligned}$$

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 3.858.510 cổ phiếu

Giá cổ phiếu : 9.999 đồng/CP;

Kết luận:

Giá khởi điểm tính theo phương pháp này đảm bảo không thất thoát vốn Nhà nước. Ngoài ra khi xác định giá bán khởi điểm, ta có thể sử dụng thêm các phương pháp khác như DCF, DDM... để đưa ra mức giá chào bán hợp lý hơn vì các phương pháp này có tính đến sự kỳ vọng đối với lợi nhuận mà doanh nghiệp có thể tạo ra trong tương lai.

- **Phương pháp 2: Phương pháp chiết khấu cổ tức theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa của Công ty**

$$P_e = \frac{d_1}{(1+R_e)} + \frac{d_2}{(1+R_e)^2} + \frac{d_3}{(1+R_e)^3} + \frac{P_3}{(1+R_e)^3}$$

P_e : Giá cổ phiếu thường ước định

d_t : Khoản cổ tức dự tính nhận được ở năm thứ t

P_n : Giá bán lại cổ phiếu dự tính ở cuối năm thứ n

r_e : Tỷ suất sinh lời đòi hỏi của nhà đầu tư

n : Số năm nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	2018
Lợi nhuận trước thuế	1,369,553,669	1,881,438,609	2,652,791,635
Thuế TNDN	20%	20%	20%
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	1,095,642,935	1,505,150,887	2,122,233,308
LNST dùng để trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc, phát triển SXKD, khen thưởng, phúc lợi	328,692,881	451,545,266	636,669,992
LNST dùng để chia cổ tức	547,821,468	752,575,444	1,061,116,654
LNST để lại bổ sung vốn	219,128,587	301,030,177	424,446,662
ROE	2,82%	3,85%	5,37%
Tỷ suất LNST trên Vốn chủ sở hữu bình quân (R)	4,01		
Giá trị hiện tại của các dòng cổ tức từ năm 2016 - 2018	484,155,075	587,815,355	732,486,215

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	3.858.510
Giá trị 1 cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.017

So sánh Phương pháp 1 và Phương pháp 2:

Giá khởi điểm Phương pháp 1 : 9.999

Giá khởi điểm Phương pháp 2 : 2.017

Chênh lệch 2 Phương pháp : 7.982

Do giá khởi điểm được tính theo các phương pháp nêu trên đều thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng), vì vậy Công ty đề xuất giá bán khởi điểm được xác định là **10.000 đồng/CP**

9.2. Bán cổ phần ưu đãi cho người lao động

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, người lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước. Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động trong trường hợp này bằng 60% giá bán đấu giá thành công.

- Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 30/09/2015 là 507 người.
- Số lao động không được mua cổ phiếu ưu đãi: 54 người
- Số lao động được mua cổ phiếu ưu đãi: 453 người
- Tổng số năm công tác trong khu vực nhà nước: 4.619 năm. Số cổ phần ưu đãi người lao động được mua là 461.900 cổ phần. Số cổ phần ưu đãi thực tế bán cho người lao động là 351.700 cổ phần.
- Cổ phần ưu đãi người lao động tại Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An chiếm 9,11% vốn điều lệ. Tổng số cổ phần đăng ký mua ưu đãi tương ứng là: $3.517 \text{ năm} \times 100 \text{ CP/năm} = 351.700 \text{ cổ phần}$ (gồm có danh sách kèm theo),
- Loại cổ phần: Cổ phần tự do chuyển nhượng.
- Giá bán: Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
- Thời gian thực hiện: Sau khi xác định giá đấu thành công thấp nhất.

9.3. Bán cổ phần ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

- **Tiêu chí xác định:** Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm và tối đa 10 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo cam kết.

- Toàn bộ người lao động tiếp tục làm việc tại công ty cổ phần được ưu đãi mua cổ phần cam kết theo mức 200 cổ phần/ năm cam kết, tối thiểu cam kết 3 năm và tối đa 10 năm. Riêng người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao theo tiêu chí lựa chọn đã thông qua được mua cổ phần cam kết mức 500 cổ phiếu/ năm cam kết. Dựa trên biên bản họp của Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty, nội dung họp Đại hội công nhân viên chức về tiêu chí xác định người lao động được mua cổ phần ưu đãi.

- **Giá bán cổ phần cam kết:** Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất.

- Tổng số lao động cam kết làm việc lâu dài: 465 người. Danh sách người lao động cam kết làm việc lâu dài tại Công ty (danh sách kèm theo)

- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi đối với người lao động cam kết làm việc lâu dài tại Công ty là 351.600 cổ phần với tổng mệnh giá là 3.516.000.000 đồng chiếm 9,11% vốn điều lệ.

- Loại cổ phần: Cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo thời gian cam kết

- Giá bán: Bằng giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai

- Thời gian thực hiện: Sau khi xác định giá đấu thành công thấp nhất.

9.4. Phương thức, thời gian, địa điểm và cơ quan bán cổ phần lần đầu

Căn cứ Quyết định số 3772/QĐ-UBND ngày 25/08/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc Phê duyệt xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An, giá trị doanh nghiệp của Công ty được phê duyệt là 38.585.099.467 đồng. Vốn điều lệ Công ty dự kiến là 38.585.100.000 đồng tương ứng 3.858.510 cổ phần.

Căn cứ văn bản số 2449/TTg-ĐMDN ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước của UBND tỉnh

Nghệ An và Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An thuộc diện nhà nước nắm giữ trên 51% tổng số cổ phần. Theo quy định tại nghị định 59/2011/NĐ-CP, toàn bộ 507 lao động thường xuyên tại công ty được quyền mua cổ phần theo diện ưu đãi (100 cp/năm làm việc trong khu vực nhà nước), mua theo cam kết (200 cp hoặc 500 cp/năm đối với chuyên gia theo số năm cam kết tiếp tục làm việc tại Công ty cổ phần với mức tối thiểu 3 năm, tối đa 10 năm), số lượng cổ phần bán ra cho nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư thông thường qua hình thức đấu giá không thấp hơn 20% vốn điều lệ.

Tên cổ phần	:	Cổ phần Công ty cổ phần Môi trường & Công trình Đô thị Nghệ An
Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai	:	1.187.369 cổ phần (<i>tương ứng 30,78% vốn điều lệ</i>)
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm bán đấu giá	:	10.000 đồng/cổ phần
Đối tượng chào bán	:	Các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng được các điều kiện quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An
Phương thức đấu giá	:	Cổ phần được chào bán theo hình thức đấu giá tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần	:	Công ty cổ phần chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương
Thời gian và địa điểm đăng ký	:	Được quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV

10. Phương án sắp xếp lại lao động

10.1. Kế hoạch xử lý lao động

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động sau khi Công ty chuyển sang loại hình Công ty cổ phần, dựa trên tình hình thực tế đội ngũ lao động tại công ty, nhu cầu lao động dự kiến giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động. Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

Tổng số lao động có tên trong danh sách tại thời điểm công bố GTDN: 507 người.

Trong đó:

- Số lao động đủ tuổi nghỉ hưu: 04 người
- Số lao động dôi dư nghỉ hưu trước tuổi: 0 người
- Số lao động dôi dư dôi dư không đủ điều kiện nghỉ hưu: 30 người
- Số lao động dôi dư được tuyển dụng vào công ty sau 21/4/1998: 08 người
- Số lao động chấm dứt hợp đồng theo Bộ luật lao động: 00 người
- Số lao động tiếp tục sử dụng tại Công ty cổ phần: 465 người

TT	Chỉ tiêu	Tổng số người
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá:	507
	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	5
	Lao động làm việc theo HĐLĐ	502
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	340
	b) Làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	162
	c) Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	0

II	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty	
1	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá	42
2	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	04
	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động:	0
	a) Hết hạn hợp đồng lao động	0
	b) Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	0
3	c) Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật	0
4	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	0
	a) Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP	30
	b) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	08
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	465
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	465
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	0
	a) Ốm đau	0
	b) Thai sản	0
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động	0
	a) Nghĩa vụ quân sự	0

	b) Nghĩa vụ công dân khác	0
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	0
4	d) Do hai bên thoả thuận (không quá 03 tháng)	0

(Nguồn: Công ty TNHH MTV MT-ĐT tỉnh Nghệ An)

TT	Nội dung	Số người	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Tổng kinh phí chi trả lao động dôi dư:		3.864.580.100	
1	Lao động dôi dư nghỉ hưu trước tuổi		305.974.100	Phụ lục 07
2	Lao động dôi dư không đủ điều kiện nghỉ hưu		3.461.408.000	Phụ lục 09
3	Lao động dôi dư được tuyển dụng vào công ty sau 21/4/1998		97.198.000	Phụ lục 11
II	Tổng kinh phí chi trả lao động dôi dư đề nghị Nhà nước hỗ trợ từ tiền bán cổ phần		3.864.580.100	

Chi tiết:

- Dự toán kinh phí chi trả người lao động theo phương án này được liệt kê tại:
- Danh sách lao động có tên trong công ty : “Phụ lục 01”
- Danh sách lao động cần sử dụng theo yêu cầu SXKD : “Phụ lục 02”
- Danh sách lao động không bố trí được việc làm : “Phụ lục 03”
- Danh sách lao động nghỉ hưu trước tuổi và dự toán kinh phí : “Phụ lục 07”
- Danh sách lao động dôi dư không đủ điều kiện về hưu : “Phụ lục 09”
- Danh sách lao động dôi dư tuyển dụng sau 21/4/1998 : “Phụ lục 11”

Nguồn kinh phí chi trả dự kiến: Tiền thu từ bán cổ phần lần đầu.

Lưu ý: Trong bảng dự toán kinh phí này do Công ty lập tại thời điểm dự kiến phê duyệt Phương án cổ phần hóa ngày 30/09/2015. Kinh phí thực tế sẽ do Công ty tính toán lại tại thời điểm chính thức phê duyệt Phương án cổ phần hóa và Phương án sắp xếp lao động.

10.2. Lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Tổng số lao động dưới mô hình Công ty cổ phần: 465 người

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng lao động cũng như mục tiêu, chiến lược phát triển kinh doanh dịch vụ, sản xuất của Công ty sau cổ phần hóa, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An dự kiến bố trí lao động tại Công ty cổ phần như sau:

STT	Tên chức danh , bộ phận	Đơn vị	Số lao động cần thiết
1	Ban giám đốc	Người	04
2	Phòng Tổ chức hành chính	Người	05
3	Phòng Kế hoạch Kỹ thuật	Người	05
4	Phòng Kế toán	Người	05
5	Phòng Đầu tư kinh doanh	Người	09
6	Phòng Quản lý đầu mối, thu phí	Người	10
7	Phòng Kiểm tra	Người	08
8	Xí nghiệp Dịch vụ môi trường	Người	61
9	Xí nghiệp Khu liên hiệp	Người	27
10	Đội xe máy	Người	30
11	Đội thị chính	Người	16
12	Tổ Bảo vệ - điện nước	Người	5
13	Đội Thu gom rác số 1	Người	50

14	Đội Thu gom rác số 2	Người	50
15	Đội Thu gom rác số 3	Người	45
16	Đội Thu gom rác số 4	Người	45
17	Đội Thu gom rác số 5	Người	45
18	Đội Thu gom rác số 6	Người	45
	Tổng cộng	Người	465

❖ **Bố trí về lao động:**

Về bố trí lao động trong công ty, thực hiện theo hướng giảm lao động gián tiếp và phục vụ. Hướng tới một người có khả năng kiêm nhiều việc. Như vậy vừa giảm chi phí nhân công cho công ty, vừa giúp người lao động có mức thu nhập tốt hơn.

❖ **Tuyển dụng lao động:**

Ưu tiên tuyển dụng công nhân có sức khỏe tốt, tuổi đời trẻ, có phẩm chất đạo đức yêu ngành, yêu nghề, là con em trong ngành, (có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học) công nhân đã đào tạo qua trường Cao đẳng nghề vào làm việc được ngay.

❖ **Kế hoạch đào tạo lại:**

Chú trọng đào tạo, đào tạo lại cán bộ quản lý, nghiệp vụ, phương châm đào tạo tại chỗ, khuyến khích người lao động tự trau dồi kiến thức để phù hợp với nhu cầu tại Công ty Cổ phần sau cổ phần hóa nhằm sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ công nhân viên sẵn có cũng như theo yêu cầu của Sản xuất kinh doanh và đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

❖ **Chính sách đối với người lao động:**

- Căn cứ vào bảng lương do Nhà nước quy định. Thực hiện trả lương, trả thưởng theo mức độ hoàn thành, mức độ phức tạp của công việc và theo khoán sản phẩm
- Thực hiện đóng BHXH, mua BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ, chính sách Nhà nước
- Thực hiện vệ sinh, an toàn lao động, trang bị BHLĐ cho người lao động

- Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ khác với người lao động theo quy định của Nhà nước

11. Lộ trình bán cổ phần

Bảng 10: Lộ trình bán cổ phần

STT	Nội dung công việc	Thời gian
I	UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt Phương án cổ phần hóa	Ngày T
II	Mở tài khoản phong tỏa	(T) – (T+1)
II	Tổ chức bán đấu giá công khai cổ phần cho các nhà đầu tư	(T) – (T+30)
1	Thành lập Ban đấu giá cổ phần lần đầu	(T + 1)
2	Thông báo về việc đấu giá cổ phần lần đầu	(T + 1) – (T+20)
4	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền cọc tại đại lý đấu giá (Công ty chứng khoán), doanh nghiệp	(T + 1) - (T + 20)
5	Thông báo kết quả đăng ký	(T + 20) - (T + 21)
6	Nhà đầu tư tham gia bỏ phiếu đấu giá	(T + 22)
8	Ban đấu giá cổ phần lần đầu tổng hợp kết quả đấu giá và gửi thông báo đến các nhà đầu tư trúng giá	(T + 22) - (T + 23)
9	Nhà đầu tư thực hiện nộp tiền mua cổ phần	(T + 23) - (T + 30)
III	Bán cổ phần cho CBCNV	(T + 30) - (T + 35)
1	Gửi thông báo nộp tiền mua cổ phiếu ưu đãi đến CBCNV đã đăng ký	T+30
2	CBCNV thực hiện nộp tiền mua cổ phiếu ưu đãi	(T+30)-(T+35)

12. Chi phí cổ phần hóa

Bảng 11: Chi phí cổ phần hóa

TT	Nội dung chi phí
I	Chi phí trực tiếp tại công ty
1	Chi phí cho tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp
2	Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản
3	Chi phí Hội nghị người lao động để triển khai cổ phần hóa
4	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp
5	Chi phí đại hội cổ đông lần đầu
6	Chi phí khác
II	Chi phí thuê các tổ chức tư vấn
1	Chi phí tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp
2	Chi phí tư vấn lập phương án cổ phần hóa, bán đấu giá cổ phần và đại hội cổ đông lần đầu.
III	Chi phí cho Ban chỉ đạo CPH và tổ giúp việc
1	Thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hóa
2	Thù lao Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa
	Tổng dự toán chi phí cổ phần hóa
	400.000.000

(Nguồn: Công ty TNHH MTV MT-ĐT tỉnh Nghệ An)

13. Kế hoạch hoàn vốn Ngân sách nhà nước, kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn nhà nước tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần đấu giá được mua với giá đấu 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

Bảng 12: Số tiền dự kiến nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
1	Vốn nhà nước sau khi đánh giá lại	38.585.099.467
2	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	38.585.100.000
3	Tổng số tiền thu từ bán cổ phần	17.499.890.000
	- Từ bán cổ phần ưu đãi 60% cho CBCNV	2.110.200.000
	- Từ bán cổ phần cam kết làm việc cho CBCNV	3.516.000.000
	- Từ bán đấu giá công khai	11.873.690.000
4	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	400.000.000
5	Chi phí chế độ dôi dư cho người lao động	3.864.580.100
6	Phí đấu giá nộp cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	20.000.000
7	Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách = (3) – (4 + 5)	13.215.309.900

(Nguồn: Công ty TNHH MTV MT-ĐT tỉnh Nghệ An)

14. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Quét, thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng; thu gom rác thải: sinh hoạt, xây dựng, công nghiệp cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu	8129
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân	8299

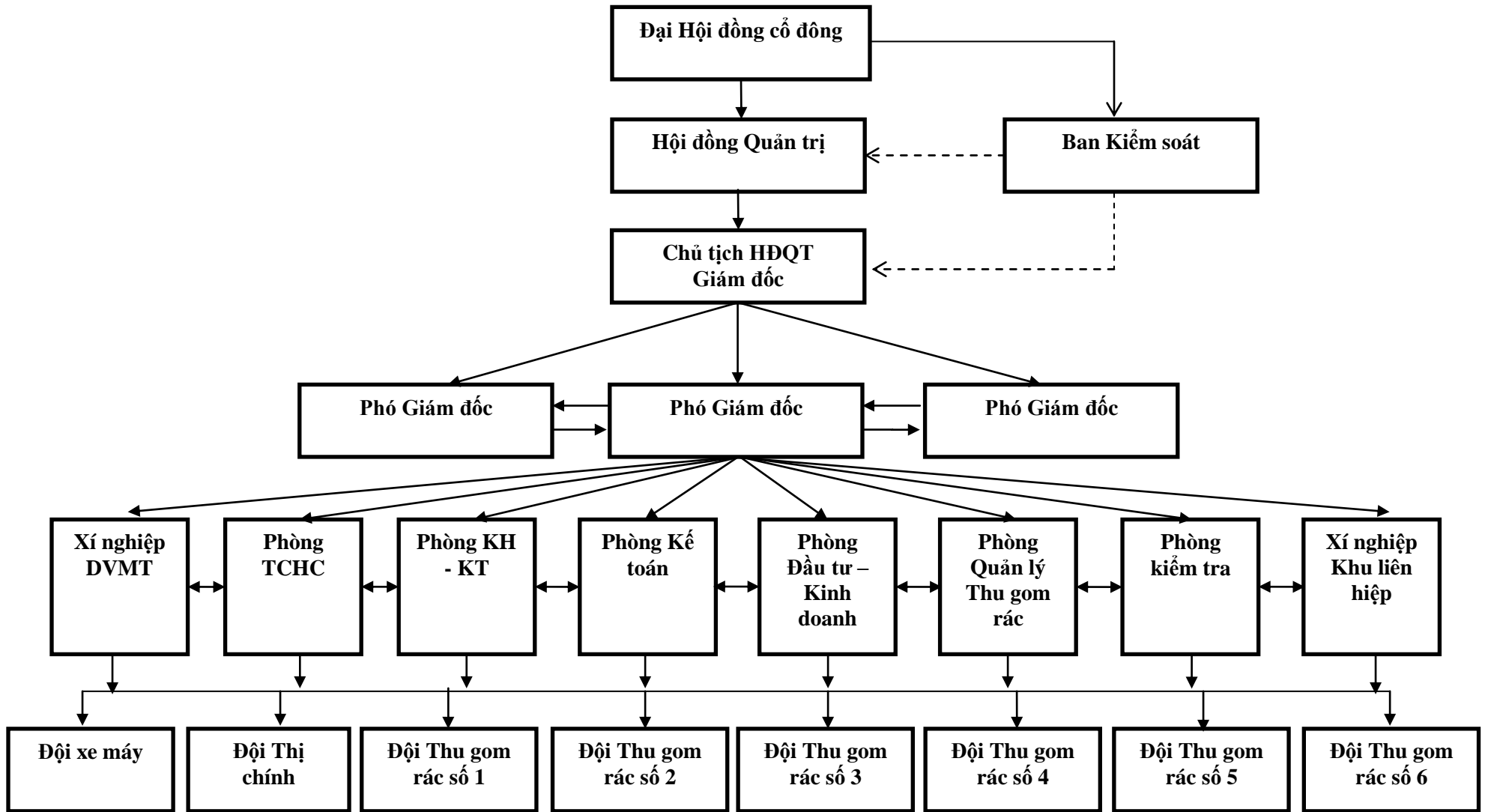
	vào đầu Chi tiết: Bốc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải, tổ chức thu phí vệ sinh và thu gom rác trong khu dân cư	
3	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Ứng dụng, chế biến phân rác và tái chế chất thải	3900
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, nạo vét hệ thống các mương cống thoát nước, vỉa hè và nhà vệ sinh	4290
5	Thu gom rác thải không độc hại	3811
6	Thu gom rác thải độc hại	3812
7	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
8	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
9	Tái chế phế liệu	3810
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
11	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ Chi tiết: Dịch vụ mai táng	9632
12	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Tư vấn xử lý môi trường	7490
13	Xây dựng nhà các loại	4100
Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật		

15. Phương án tổ chức và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh

- Sắp xếp, xây dựng các bộ phận trong Công ty theo hướng đơn giản, hiệu quả. Thực hiện phân công, phân nhiệm rõ ràng tới từng bộ phận, nâng cao tính chủ động và quản lý theo hiệu quả công việc.
- Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý điều hành.

- Xây dựng cơ chế khen thưởng, kỷ luật rõ ràng nhằm mục đích phát huy hết năng lực của cán bộ công nhân viên, thu hút nhân tài và gắn bó người lao động với Công ty.
 - Tập trung cải thiện và nâng cao năng lực đầu tư dự án đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, thúc đẩy nhanh quá trình thu hồi vốn đầu tư.
- Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:
- Hội đồng quản trị : 05 người, trong đó có 1 chủ tịch kiêm Giám đốc và 04 thành viên
 - Chủ tịch kiêm Giám đốc : 01 người
 - Ban Kiểm soát : 03 người
 - Phó giám đốc : 03 người
 - Các phòng: Phòng Tổ chức – Hành chính, Kế toán, Kế hoạch kỹ thuật, Phòng Đầu tư – Kinh doanh, Quản lý đầu môi thu gom rác-thu phí vệ sinh, Kiểm tra.
 - 02 Xí nghiệp: Xí nghiệp Dịch vụ môi trường, Xí nghiệp Khu liên hiệp xử lý CTR
 - Các đơn vị trực thuộc (10 đơn vị)
 - Đội xe máy
 - Đội Thị chính
 - Đội thu gom rác số 1
 - Đội thu gom rác số 2
 - Đội thu gom rác số 3
 - Đội thu gom rác số 4
 - Đội thu gom rác số 5
 - Đội thu gom rác số 6
 - Tổ Bảo vệ điện nước

Hình 2: Sơ đồ bộ máy Công ty cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An



❖ Chức năng, nhiệm vụ bộ máy quản lý công ty

• Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có các quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn và nghĩa vụ được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

• Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty dự kiến gồm 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

• Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty. Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

• Chủ tịch HĐQT/Giám đốc

Chủ tịch HĐQT/Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phụ trách chung, chịu trách nhiệm lãnh đạo và quản lý toàn bộ hoạt động của Công ty. Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo về thực hiện kế hoạch sản xuất, kế hoạch SXKD năm đã đề ra trong cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên, đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ SXKD theo từng giai đoạn.

• Phó Giám đốc

- Tham mưu cho Ban giám đốc công ty trong việc chuẩn bị các phương án về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, tiếp thu, thuyên chuyển, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỹ thuật,

quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng lương, nâng bậc, BHXH của người lao động, bảo hộ lao động và các chính sách liên quan đến tiền lương, tiền thưởng;

- Phó Giám đốc có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Giám đốc về các phần việc được phân công. Điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Giám đốc Công ty.

- **Các phòng ban nghiệp vụ và đơn vị trực thuộc**

- Thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao của từng phòng ban cũng như các đơn vị trực thuộc Công ty.

16. Phương án sử dụng đất

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhu cầu sử dụng đất sau khi chuyển đổi doanh nghiệp, Công ty xây dựng phương án sử dụng đất như sau:

Với diện tích đất 6.766,8 m² công ty đang quản lý sử dụng và được UBND tỉnh Nghệ An quyết định cho thuê đất đến ngày 20/10/2048 tại quyết định số 410/QĐ-UBND.ĐC ngày 22 tháng 10 năm 2013 về việc cho Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An thuê đất tại xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và Hợp đồng thuê đất số 173/HĐ-TĐ ngày 20 tháng 11 năm 2013.

Để thực hiện Nghị định số 59/2011/NĐ-CPH ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An đề nghị vẫn được tiếp tục sử dụng diện tích đất đã giao nêu trên vào mục đích làm cơ sở cho văn phòng, quản lý tổ chức, kinh tế và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo việc làm, ổn định sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa.

- Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm và không tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hoá.

- Thời gian thuê đất: Thời gian còn lại của Hợp đồng thuê đất (20/10/2048).

17. Định hướng phát triển của Công ty sau cổ phần hóa

17.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

Do Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và là đơn vị phụ trách cung cấp các dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Nghệ

An nên Công ty luôn giữ mối quan hệ với các cơ quan ban ngành của các địa phương. Đây là điều thuận lợi cho Công ty khi tham gia các công trình công ích của Thành phố và gia tăng uy tín của Công ty.

Trong suốt những năm hoạt động và kinh doanh, công ty đã phấn đấu không ngừng để tồn tại, ổn định và phát triển. Qua mỗi giai đoạn Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để từng bước khẳng định vị thế của mình trong ngành công trình đô thị cũng như sự tín nhiệm của các khách hàng và đối tác. Công ty đã nhận được nhiều phần thưởng của Nhà nước, Chính phủ, UBND Tỉnh, đặc biệt là Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì những thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. So với các doanh nghiệp trong ngành môi trường và công trình đô thị trong khu vực thì công ty là một trong những công ty có quy mô khá, có kinh nghiệm trong hoạt động, quản trị và đi đầu trong công tác triển khai cổ phần hóa.

<p>ĐIỂM MẠNH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban lãnh đạo tâm huyết tài năng, gắn bó cùng công ty; - Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng lực, giàu kinh nghiệm; - Các đối tác và công ty liên kết hoạt động hiệu quả, chặt chẽ 	<p>ĐIỂM YẾU</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng của cơ chế tổ chức hoạt động theo hình thức TNHH MTV không linh hoạt với thị trường; - Hệ thống máy móc cơ sở vật chất đã sử dụng lâu năm - Chưa có công tác quảng bá, thị trường tốt để đẩy mạnh doanh số;
<p>CƠ HỘI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trương thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước không nhất thiết nắm giữ 100% vốn; - Nền kinh tế đang phục hồi, thuận lợi cho việc thoái vốn và kêu gọi đầu tư; - Các quy định về đánh giá tác động môi trường, kiểm soát ô nhiễm, xử lý nước thải, 	<p>NGUY CƠ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cạnh tranh gắt gao trong thời gian tới giữa các đơn vị trong ngành trên địa bàn tỉnh và các tỉnh khác. - Khung giá dịch vụ giảm do điều tiết của Nhà nước, tiếp tục sẽ giảm trong tương lai. - Cơ chế chính sách khuyến khích còn

<p>quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, kế hoạch xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ngày càng rõ và cụ thể hơn</p> <p>- Định hướng phát triển ngành của Chính phủ;</p>	<p>chưa rõ ràng và chưa đủ hấp dẫn để thu hút đầu tư và phát triển ngành dịch vụ môi trường.</p> <p>- Thị trường cho công nghệ và dịch vụ môi trường chưa phát triển.</p> <p>- Các rủi ro khác của vĩ mô như lạm phát, tỷ giá, lãi suất...</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

17.2. Triển vọng phát triển của ngành

Cơ sở hạ tầng đóng vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Tuy nhiên, việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ công cộng đòi hỏi các Công ty phải có nguồn vốn mạnh và bền vững, do đó các Công ty trong ngành cần có chính sách thu hút vốn đầu tư từ các nguồn khác ngoài ngân sách Nhà nước để thực hiện. Với các chính sách của Chính phủ ngày càng thông thoáng tạo điều kiện hỗ trợ và khuyến khích các thành phần kinh tế khác cùng tham gia vào lĩnh vực này

Trong những năm tới, để đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, nhu cầu vệ sinh môi trường, đặc biệt là tại khu vực đô thị, dân cư đông đúc nên công tác quản lý và cung cấp các dịch vụ công ích tiếp tục là một ngành nhiều tiềm năng phát triển.

Đối với tầm nhìn đến năm 2025, sẽ phát triển ngành Công nghiệp môi trường thành một ngành kinh tế có đóng góp quan trọng trong cơ cấu phát triển ngành công nghiệp Việt Nam; phát triển các doanh nghiệp Công nghiệp môi trường, các tổ chức nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao về môi trường có khả năng giải quyết có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên.

Có thể thấy các hoạt động nhằm phát triển ngành Công nghiệp môi trường tại Việt Nam cần cân đối và hài hòa giữa ba lĩnh vực chính: Dịch vụ môi trường; phát triển công nghệ và sản xuất thiết bị; phát triển và phục hồi tài nguyên thiên nhiên.

Như vậy, sự phát triển ngành Công nghệ môi trường nói chung và ngành Môi trường đô thị nói riêng cần được thực hiện từng bước chắc chắn để ngành này trở thành một ngành kinh tế quan trọng với các sản phẩm đặc thù của ngành. Trong quá trình phát triển, cần đặc biệt đẩy mạnh công tác xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, bao gồm từ

nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, chế tạo thiết bị đến cung cấp các dịch vụ bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng tài nguyên.

17.3. Định hướng phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh

Trước tiềm năng phát triển của ngành, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An sau khi chuyển thành công ty cổ phần tiếp tục lãnh đạo đơn vị làm tốt nhiệm vụ chuyên môn; Công ty xây dựng mục tiêu, chiến lược phù hợp gồm:Phấn đấu nâng tổng giá trị doanh thu tăng 100% so với đầu nhiệm kỳ, tổ chức thu gom rác tận các hộ gia đình đạt 100%, hoàn thành tốt nghĩa vụ nhà nước, nâng cao mức thu nhập ổn định cho người lao động, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác tích cực các nguồn lực, vật liệu nhằm nâng cao kết quả hoạt động.

Phát huy niềm tự hào và những thành tích đã đạt được, thời gian tới, toàn thể công nhân viên Công ty tiếp tục phát huy vai trò đầu tàu trong đảm bảo cho thành phố ngày càng sạch đẹp, văn minh. Làm công tác tham mưu quy hoạch, kế hoạch xử lý các nguồn rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường cho tỉnh và thành phố. Tập trung chỉ đạo và thực hiện thành công cổ phần hóa doanh nghiệp, mở rộng nhiều ngành nghề dịch vụ tăng thu nhập cho lao động, mở rộng đầu tư nhiều hạng mục công trình nội bộ góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Đồng thời liên kết, liên doanh với các đối tác trong và ngoài nước để xử lý những khối lượng, nội dung công việc lớn...

Thêm vào đó, Công ty cũng đưa ra mục tiêu cho mình là giữ vững các hợp đồng đang thực hiện trên địa bàn Tỉnh, đồng thời tìm kiếm các hợp đồng thi công mới. Những chính sách quan tâm kịp thời và phù hợp của Nhà nước đối với ngành cùng với tiềm năng phát triển của xã hội sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của Công ty sau cổ phần hóa.

18. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân bổ lợi nhuận trong 3 năm tiếp theo

18.1. Cơ sở xây dựng kế hoạch

- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trước cổ phần hóa;
- Căn cứ vào dự báo thị trường, mức độ phát triển của ngành trong tương lai;
- Căn cứ trên các định hướng, chính sách và các quy định của luật pháp có liên quan tới lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.
- Căn cứ vào phương án chuyển đổi đưa công nhân công ty vào thay thế dần lực lượng vệ sinh viên để thu gom rác trong khối xóm dân cư.

- Căn cứ vào nhu cầu về đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa trên địa bàn Thành phố Vinh nói riêng và tỉnh Nghệ An nói chung

18.2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- **Mục tiêu về tổ chức và quản trị**

- Sau cổ phần hóa, Công ty chủ trương thực hiện sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động. Kiện toàn bộ máy quản lý từ Công ty đến cơ sở, sắp xếp lại các phòng ban, đơn vị trực thuộc theo hướng đổi mới, chuyên môn hóa, tinh giảm cán bộ quản lý trung gian yếu kém, bổ sung cán bộ quản lý, kỹ thuật có năng lực, trình độ cao đặc biệt trong một số lĩnh vực chuyên ngành Công ty muốn mở rộng.

- Tập trung xây dựng quy chế dân chủ cơ sở một cách sâu rộng, sát thực tế mang lại hiệu quả cao. Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể xây dựng quy chế làm việc, chăm lo công tác dân vận, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong đơn vị như minh bạch hóa nội dung, chương trình, cách làm đến tận người lao động; công khai và nhận diện một số khó khăn để người lao động hiểu và tìm cách tháo gỡ, giải quyết kịp thời các vướng mắc nhất là về quyền lợi chính đáng. Đảng ủy Công ty còn phát động phong trào “lắng nghe, lấy thái độ hài lòng của người dân, đối tượng phục vụ làm trọng tâm cho mọi hành động”; nhờ đó tạo đồng thuận, đoàn kết nhất trí trong đông đảo cán bộ, đảng viên và công nhân viên..

- Chăm lo đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tích cực tham gia hoạt động xã hội, chung tay vì cộng đồng.

- Trong giai đoạn 2015-2017, Công ty ổn định nhanh chóng về cơ cấu tổ chức và bộ máy quản trị, mở rộng cơ cấu bộ máy Công ty từ 4 đội thu gom rác lên tổng số 6 đội để quản lý, kiểm tra được thuận tiện hơn sau cổ phần hóa. Xác định lại nhu cầu nhân sự, công nhân mới để bổ sung tại công ty Cổ phần, hoàn tất việc đào tạo lại lao động để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời, không bị đình trệ.

- **Mục tiêu về thị trường**

- Xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2015 – 2017 phù hợp với tình hình địa phương và doanh nghiệp. Tích cực triển khai nghiên cứu ứng dụng, đầu tư cho đổi mới công nghệ, thay thế dần lực lượng vệ sinh viên do các khối xóm cũ lên bằng công nhân của công ty để bảo đảm quyền lợi cho người lao động và đúng quy định của Luật lao động về ký kết hợp đồng lao động, đồng thời thay thế các thiết bị, công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng.

- Tiếp tục chăm sóc khách hàng hiện tại dựa trên các dịch vụ có sẵn, mở rộng và phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh mới trong 3 năm sau cổ phần hóa với chi phí thấp, hiệu quả cao.
- Phát triển thị trường nội địa thông qua việc ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt và xây dựng công trình cơ bản với các đối tác (bao gồm cá nhân và tổ chức) có tiềm năng trong tương lai
- Rà soát nguồn vốn, tài sản và các khoản nợ; bổ sung vốn thông qua việc tăng vốn từ các kênh đầu tư trên thị trường, xử lý các tồn tại về tài chính. Tận dụng tối đa các lợi thế sẵn có để đẩy nhanh đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả SXKD. Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp cho các năm tiếp theo, thực hiện công khai, minh bạch trong đầu tư, quản lý tài chính, mua sắm, phân phối thu nhập... theo quy định pháp luật.
- Đánh giá hiệu quả của các dự án đầu tư thông qua xây dựng kế hoạch đầu tư ngắn hạn, dài hạn phù hợp với từng giai đoạn và tình hình thực tế của Công ty.

- **Các mục tiêu về sản xuất kinh doanh**

Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có, Công ty đưa ra dự kiến các chỉ tiêu kinh tế trong ba năm tiếp theo..

Cụ thể:

- Mở rộng ngành nghề hoạt động kinh doanh, tiến tới mở rộng thị trường nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty ;
- Tiếp tục đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Từng bước thay thế dần lực lượng vệ sinh viên do các khối xóm cứ lên bằng công nhân công ty để bảo đảm quyền lợi cho người lao động.
- Luôn tôn trọng khách hàng và chăm lo đời sống cho CBCN, người lao động
- Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên thống nhất, đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có, Công ty đưa ra dự kiến các chỉ tiêu kinh tế trong ba năm tiếp theo như sau:

Bảng 13: Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Tiêu chí	2016	2017	2018
1	Vốn điều lệ	38.585.100.000	38.585.100.000	38.585.100.000
2	Tổng số lao động	510	545	580
3	Tổng quỹ lương	2.244.000.000	2.561.500.000	2.958.000.000
4	Thu nhập bình quân 1 người /tháng	4.400.000	4.700.000	5.100.000
5	Tổng doanh thu	80.828.477.918	100.227.312.619	125.284.140.773
6	Tổng chi phí	79.458.924.249	98.345.874.010	122.631.349.138
7	Lợi nhuận thực hiện	1.369.553.669	1.881.438.609	2.652.791.635
8	Lợi nhuận sau thuế	1.095.642.935	1.505.150.887	2.122.233.308
9	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	2,82%	3,85%	5,37%
10	Trích lập các quỹ (30%)	328.692.881	451.545.266	636.669.992
11	LNST giữ lại để bổ sung vốn (20%)	219.128.587	301.030.177	424.446.662
12	Lợi nhuận sau thuế để chi cổ tức (50%)	547.821.468	752.575.444	1.061.116.654
13	Tỷ lệ cổ tức hằng năm	1,42%	1,95%	2,75%

*(Nguồn: Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An)***18.3. Các giải pháp thực hiện**

- **Giải pháp về thị trường**

Xác định việc đẩy mạnh ngành nghề kinh doanh dịch vụ, bám sát chủ trương, chiều hướng phát triển của thị trường.

Nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng phát triển lớn mạnh, đặt ra những yêu cầu về bảo vệ môi trường ngày càng cao. Sau cổ phần hóa, Công ty hướng tới cung cấp các sản phẩm và dịch vụ môi trường đáp ứng nhu cầu phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường, bao gồm: các hoạt động đánh giá, phân tích và bảo vệ môi trường; các hoạt động kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải và tái sinh các nguồn chất thải; các hoạt động góp phần tăng hiệu quả sử dụng năng lượng và tài nguyên, tăng năng suất sản xuất và tăng hiệu quả kinh tế; các hoạt động thu gom, xử lý các loại chất thải từ tất cả các hoạt động trong xã hội

Tìm kiếm các dự án, công trình ngoài ngành phù hợp với năng lực và ngành nghề kinh doanh được phép để mở rộng sản xuất, nhằm tăng doanh thu và hiệu quả hoạt động của Công ty. Để đảm bảo tiến trình kinh doanh có hiệu quả, trong thời gian tới Công ty phải quan tâm nghiêm cứu mở rộng thị trường; đảm bảo sản phẩm sản xuất ra phải đáp ứng nhu cầu của khách hàng..

Hoạt động sản xuất kinh doanh tập trung vào hai lĩnh vực gồm: Dịch vụ công ích đô thị và kinh doanh dịch vụ, xây dựng cơ bản

- ❖ **Lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị:**

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng về hoạt động dịch vụ công ích đô thị, giữ vững uy tín của công ty trên thị trường.

- Tiếp tục củng cố và giữ vững các thị trường, địa bàn đã có và mở rộng nâng cao mối quan hệ với các đối tác. Công ty cần xác lập các mối quan hệ với khách hàng nhằm tăng uy tín của Công ty trên thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường. Phòng Kế hoạch, kỹ thuật, phòng Kế toán của Công ty bố trí cán bộ chuyên trách để làm công tác nghiên cứu, phân tích thị trường, lập kế hoạch nhu cầu thị trường, làm tham mưu cho lãnh đạo Công ty

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch, biện pháp thực hiện nhằm mở rộng địa bàn hoạt động tới các khu đô thị mới, các cụm công nghiệp và các huyện thị khác trong tỉnh.

- Đầu tư, cải tiến các thiết bị chuyên dùng để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, giảm chi phí lao động giản đơn và nâng cao hiệu quả, năng suất làm việc.

- ❖ **Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ, xây dựng cơ bản:**

- Tiếp tục duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng các hoạt động kinh doanh, tập trung vào các ngành nghề kinh doanh có thế mạnh, chuyên ngành, phát triển dịch vụ vệ sinh nhà cửa, dịch vụ cơ khí sửa chữa, vui chơi, giải trí....

- **Giải pháp về vốn**

Thực hiện các giải pháp tái cơ cấu tài chính của Công ty, đẩy nhanh công tác thu tiền, chủ động nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất, hạn chế vay vốn tín dụng.

Mở rộng quan hệ với các tổ chức tài chính, đối tác liên quan trong ngành và quan tâm đến sự phát triển của ngành tìm kiếm nguồn vốn tài trợ cho dự án đang triển khai về môi trường, các ngành công ích cũng như ngành hàng kinh doanh dịch vụ.

Căn cứ vào mục tiêu sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa, Công ty cũng đưa ra các giải pháp về huy động nguồn vốn vay từ các Ngân hàng, tiến hành tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm cổ phiếu nhằm đầu tư, triển khai các dự án mới. Vay vốn của các tổ chức và cá nhân với mức lãi suất phù hợp với tình hình kinh tế và kinh doanh của doanh nghiệp. Trên cơ sở nguồn vốn và tài sản hiện tại để tiếp tục duy trì và phát triển doanh nghiệp cần thiết phải tiếp tục đầu tư, trong đó phân bổ nguồn vốn đầu tư như sau: 70% nguồn vốn để đầu tư máy móc, phương tiện thiết bị trực tiếp sản xuất, 05% nguồn vốn để đầu tư phương tiện, thiết bị phục vụ công tác quản lý; 20% nguồn vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng công trình công cộng, hạ tầng doanh nghiệp và 05% nguồn vốn còn lại để đầu tư cho nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, giáo dục.

Về quản lý vốn, sau cổ phần hóa, Công ty bố trí cơ cấu vốn hợp lý nhằm tận dụng tối đa tiền vốn hiện có, đưa ra kế hoạch đầu tư vốn cần có trọng điểm. Công ty sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của đồng vốn. Tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn đang bị chiếm dụng để giảm bớt các nguồn vốn vay.

Là những năm được dự báo sẽ gặp khó khăn trong vấn đề tài chính, do đó công tác thu hồi vốn và cơ cấu nguồn vốn cho đầu tư là vấn đề hết sức quan trọng. Vì vậy, công ty sẽ nghiên cứu tìm kiếm giải pháp thu hồi vốn, xử lý dứt điểm các vấn đề vướng mắc, đôn đốc công tác nghiệm thu và hoàn chỉnh hồ sơ để thanh toán các công trình

- **Giải pháp về tổ chức sản xuất**

- Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty cổ phần đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả; đưa ra phương án tối ưu trong mô hình sản xuất kinh doanh, thực hiện mục tiêu vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao. Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ

năng lực, chuyên môn hoá cao nhằm phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo của cán bộ công nhân viên trong công ty.

- Bộ máy cơ quan công ty có nhiệm vụ: Tìm kiếm việc làm; Thực hiện các biện pháp quản lý vĩ mô, Xây dựng và kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ; Các phòng ban thực hiện các chức năng theo nhiệm vụ cụ thể đảm bảo cho bộ máy toàn công ty hoạt động nhịp nhàng hiệu quả.

- Các đơn vị sản xuất trực tiếp có nhiệm vụ: Trực tiếp sản xuất dịch vụ các nhiệm vụ theo kế hoạch, tiến độ đã đề ra; Trực tiếp quản lý và sử dụng các nguồn lực: Máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu, lao động vào tổ chức lao động một cách hiệu quả nhất.

- Thực hiện quyết liệt công tác khoán và quyết toán khoán trên khối lượng công việc và hạng mục công trình trên cơ sở gắn trách nhiệm của cán bộ phụ trách, giữa tiền thu nhập của người lao động và giá trị sản lượng làm ra.

- **Giải pháp về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực**

Duy trì phát triển nguồn nhân lực, từng bước nâng cao chế độ đãi ngộ, tạo ra môi trường làm việc tốt cho CBCNV hiện tại, tăng cường tuyển dụng kết hợp với đào tạo tại chỗ. Củng cố xây dựng bộ máy quản lý và điều hành tốt, phát huy dân chủ gắn với tăng cường việc thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định của công ty trong mọi hoạt động.

Chú trọng quy hoạch nhân sự phục vụ trong công tác quản lý, thu hút lao động có trình độ, chuyên môn, tay nghề phục vụ cho sự phát triển của Công ty. Nâng cao năng lực đấu thầu và năng lực cho CBCNV làm công tác đấu thầu.

Công ty cũng lên kế hoạch xây dựng đội ngũ kế cận, luôn sẵn sàng đảm đương nhiệm vụ kịp thời. Đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, luôn khuyến khích tinh thần lao động của cán bộ công nhân viên, có phần thưởng cho cán bộ lao động tốt, tuân thủ quy định công ty.

- **Giải pháp về lao động**

- **Về chính sách lao động & đào tạo phát triển nguồn lao động:**

+ Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;

+ Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước;

- + Tổ chức đào tạo, nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật bằng các hình thức như: Đào tạo tại chỗ và gửi đi học các trường đào tạo nghề;
- + Xây dựng tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với các chức danh để tuyển dụng và bố trí cán bộ.
- + Đưa ra các chính sách đãi ngộ thoả đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; Công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề; Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những tập thể cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí;
- + Rà soát nguồn nhân lực hiện có, sắp xếp lao động hợp lý, có kế hoạch tuyển dụng lao động có tay nghề để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới.
- **Về chính sách tiền lương:**
 - + Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý;
 - + Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người; Khoán mức lương cụ thể cho từng phòng ban, bộ phận theo nhiệm vụ được giao;
 - + Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;
 - + Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: Trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ tiền lương, tiền phép...

- **Giải pháp về đầu tư, xây dựng cơ bản**

Tiếp tục đầu tư bổ sung, thay thế dần các máy móc, thiết bị cũ, lạc hậu. Đầu tư trang thiết bị hiện đại, đổi mới công nghệ để tăng hiệu quả trong SXKD, đồng thời sửa chữa đảm bảo chất lượng các loại máy móc, thiết bị thi công,... để đưa vào phục vụ thi công dự án với chất lượng cao. Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ và khai thác hệ thống thông tin chung trên mạng để phục vụ điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời và có hiệu quả.

Sau khi thực hiện xong công tác cổ phần hóa, công ty sẽ sử dụng các kênh huy động vốn nhằm đẩy mạnh đầu tư sản xuất, kinh doanh hiệu quả. Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tăng doanh thu, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, phấn đấu hạ giá thành sản phẩm

Đề ra các biện pháp chống tham nhũng, lãng phí như: Thực hiện kê khai tài sản đối với cán bộ Đảng viên theo đường lối của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; Giám sát việc kê khai tài sản của các đối tượng kê khai; đưa ra các quy chế quản lý tài chính, vật tư thiết

bị, thanh toán tiền lương, xây dựng các định mức sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng trong sản xuất... và giám sát việc thực hiện các quy chế.

Thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung hoàn chỉnh bộ định mức giao khoán các đơn vị nội bộ.

- **Giải pháp về marketing**

Trước hết, sau cổ phần hóa, Công ty tập trung vào xây dựng một hình ảnh mới, tạo sức hút hơn đối với khách hàng. Thông qua đó tạo điều kiện tiền đề để phát triển hơn các biện pháp quảng bá hình ảnh.

Công ty đẩy mạnh việc marketing thông qua tất cả các kênh: internet, báo chí, phương tiện truyền thông đại chúng và phát tờ rơi.

Công ty cũng lên kế hoạch niêm yết theo Quyết định 51/2014/QĐ-TTg và Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ. Thông qua việc niêm yết trên thị trường chứng khoán, công ty sẽ có thêm 1 kênh hiệu quả để quảng bá hình ảnh tới các nhà đầu tư, các đối tác và bạn hàng trong và ngoài nước

- **Giải pháp đầu tư và phát triển công nghệ**

Tiếp tục đầu tư, cải thiện hệ thống máy móc, thiết bị kỹ thuật hiện đại. Công ty cần dành nhiều sự quan tâm trong việc đề ra các chiến lược đổi mới công nghệ sản xuất hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động, sản lượng, tăng sức cạnh tranh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trên thị trường.

Các doanh nghiệp hiện nay đang hoạt động trong môi trường sản xuất kinh doanh rất phức tạp và luôn biến đổi. Trước những cơ hội và thách thức của thị trường thì Công ty sau cổ phần hóa cần xây dựng một hệ thống thông tin đáp ứng với mô hình doanh nghiệp cổ phần mới, nhanh chóng để đưa ra các quyết định kịp thời trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- **Vai trò lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp có hiệu quả của các tổ chức đoàn thể**

Phát huy những kết quả đạt được trong những năm trước đó, nhiệm kỳ 2015 – 2020, Đảng bộ Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An tiếp tục lãnh đạo đơn vị làm tốt nhiệm vụ chuyên môn; Phần đầu nâng tổng giá trị doanh thu tăng 100% so với đầu nhiệm kỳ, tổ chức thu gom rác tận các hộ gia đình đạt 100%, hoàn thành tốt nghĩa vụ nhà nước, nâng cao mức thu nhập ổn định cho người lao động. Đảng bộ tiếp tục đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu.

Định hướng cho Công ty phát triển bền vững; coi trọng công tác quản lý, tiết kiệm chi phí, duy trì ổn định sản xuất kinh doanh; chủ động thay đổi cơ cấu sản xuất, quy mô phù hợp với Công ty, tập trung đẩy mạnh sản xuất kinh doanh.

Củng cố các tổ chức đoàn thể, phát huy vai trò của các đoàn thể, thông qua các đoàn thể để giáo dục người lao động tự làm chủ trong SXKD

19. Kế hoạch đăng ký Công ty đại chúng, đăng ký lưu ký, giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ qui định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước, Công ty có nghĩa vụ:

“a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán”

Sau khi thực hiện xong quá trình cổ phần hóa, trong trường hợp Công ty đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật chứng khoán về công ty đại chúng, Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định nêu trên.

20. Đánh giá rủi ro dự kiến

20.1. Rủi ro kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái. Công ty TNHH MTV Môi trường

Đô thị tỉnh Nghệ An là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

- **Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế**

Về tăng trưởng kinh tế trong nước, GDP năm 2015 ước tính tăng 5,98% so với năm 2014, đây là mức tăng cao nhất so với 2 năm trước. Điều này cho thấy đà phục hồi của nền kinh tế năm 2015 đã có dấu hiệu tích cực. Chỉ số quản trị mua hàng (PMI) trong năm 2015 liên tục cao vượt ngưỡng 50 điểm. Như vậy, trong năm 2015 các nhà quản trị mua hàng đều nhận thấy, điều kiện kinh doanh đang được cải thiện rõ nét. Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư nói riêng.

Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp nói riêng. Như vậy, nếu nền kinh tế không đạt được tăng trưởng như mục tiêu đề ra thì sẽ phần nào ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

- **Rủi ro về lạm phát**

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Lạm phát thường xảy ra do hai nguyên nhân chính là chi phí đẩy hoặc cầu kéo. Tổng cầu gia tăng do sự gia tăng của tiêu dùng hộ gia đình, chi tiêu Chính phủ, đầu tư và thay đổi ròng từ hoạt động xuất nhập khẩu.

- **Rủi ro về lãi suất**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thể sử dụng đến kênh huy động vốn từ tín dụng và chịu lãi suất sử dụng vốn vay, khi đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận của Công ty.

Trong nửa đầu năm 2015, lãi suất huy động và cho vay khá ổn định và có xu hướng giảm nhẹ. Sau 2 lần điều chỉnh giảm trong năm 2013, vào cuối quý 1 năm 2014 và quý 2 năm 2014, Ngân hàng Nhà nước đã tiếp tục giảm các mức lãi suất chủ chốt. Với định hướng duy trì mặt bằng lãi suất thấp để hỗ trợ sự phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế, quyết định điều chỉnh giảm lãi suất như kể trên của Ngân hàng Nhà nước là khá hợp lý

trong bối cảnh (1) lạm phát được kiểm soát ở mức thấp và (2) thanh khoản hệ thống đang khá tốt trong khi tăng trưởng tín dụng chưa được đẩy mạnh. Việc trần lãi suất liên tục được điều chỉnh giảm được xem như một tiền đề thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên trên thực tế để tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hấp dẫn là một vấn đề còn khó khăn đối với Công ty nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.

- **Rủi ro về tỷ giá**

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường, do đó những biến động về tỷ giá gây ảnh hưởng tới không đáng kể tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

20.2. Rủi ro về luật pháp

Sau cổ phần hóa Công ty trở thành công ty đại chúng do vậy sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định cũng chưa cao nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra, điều đó có khả năng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của doanh nghiệp.

20.3. Rủi ro về đặc thù

Cùng song hành với định hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước là sự phát triển bùng nổ về dân số, đô thị hóa và các vấn đề liên quan tới đời sống dân sinh. Ảnh hưởng của việc phát triển quá nhanh trong những năm gần đây lên các vấn đề môi trường là không hề nhỏ. Chính vì vậy, Nhà nước cũng có những chủ trương để phát triển ngành công nghiệp môi trường hiện nay. Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 về nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là một trong những văn bản đầu tiên của Chính phủ về vấn đề bảo vệ môi trường.

Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến 2020. Luật Bảo vệ môi trường 2005 nêu rõ: “Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp dịch vụ giữ gìn vệ sinh môi trường để thực hiện các hoạt động dịch vụ giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường thông qua hình thức đấu” (điều 116) có thể thấy sự phát triển của ngành trong tương lai là rất tiềm năng tuy nhiên cũng chứa đựng một số rủi ro nhất định. Đó là công nghệ còn lạc hậu. Công ty nhận định, để cạnh tranh được với nền kinh tế thị trường tự do sau khi cổ phần hóa đòi hỏi phải có những cải tiến về công nghệ

kỹ thuật. Đầu tư mới công nghệ gây nhiều áp lực tới tình hình tài chính của công ty bởi chi phí đầu tư mới cao, hơn nữa trang thiết bị cơ sở vật chất phục vụ ngành nghề kinh doanh của công ty có giá khá cao. Tuy vậy, nếu không sớm đầu tư thích hợp, công ty sẽ phải chi trả chi phí hoạt động kinh doanh tương đối lớn trong thời gian dài bởi phải sử dụng nhiều lao động cho những công việc hiện đã có máy móc thay thế.

20.4. Rủi ro đợt chào bán

Việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An chịu ảnh hưởng lớn bởi tình hình thị trường chứng khoán ở thời điểm chào bán và diễn biến của nền kinh tế vĩ mô. Những yếu tố, thông tin bất lợi về thị trường chứng khoán và kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư và khả năng hấp thụ của thị trường. Bên cạnh đó do hoạt động trong lĩnh vực công ích nên sự quan tâm của các nhà đầu tư đến Công ty còn chưa nhiều.

20.5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

21. Tổ chức thực hiện và kiến nghị

21.1. Tổ chức thực hiện

Sau khi Phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt và có Quyết định chuyển Công ty TNHH NN MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An thành Công ty cổ phần, Công ty triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Thời điểm nhận phê duyệt phương án cổ phần hóa	T
2	Tổ chức bán đấu giá công khai cổ phần cho các nhà đầu tư	T + 40 ngày
3	Tổ chức bán cổ phần ưu đãi cho cán bộ, công nhân viên	T + 45 ngày
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa	T + 50 ngày

5	Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, bổ nhiệm Giám đốc Công ty cổ phần và thông qua Phương án sản xuất kinh doanh	T +70 ngày
6	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới cho công ty cổ phần, in Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần.	T + 80 ngày
7	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn, sổ sách tài liệu cho Hội đồng quản trị	T + 82 ngày
8	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	T + 87 ngày
9	Thực hiện quyết toán phần vốn nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	T + 90 ngày

21.2. Kiến nghị

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để huy động vốn, mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, kính đề nghị Ban chỉ đạo cổ phần hóa xem xét và phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng theo quy định của Nhà nước.

Tại thời điểm xác định giá trị thực hiện cổ phần hóa Công ty Môi trường đô thị Nghệ An có Dự án xử lý chất thải rắn tại Nghi Yên, Nghi Lộc, chưa thẩm tra phê duyệt quyết toán giá trị công trình hoàn thành đưa vào sử dụng. Kính đề nghị UBND tỉnh và các ngày liên quan có Quyết định phê duyệt giá trị dự án để Công ty thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ theo quy định hiện hành.

Phương án bao gồm 03 phần, 75 trang, và được lập thành 7 bản có giá trị như nhau:

- 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- 01 bản lưu trữ tại trụ sở Công ty;
- 02 bản gửi Chủ sở hữu Công ty;
- 01 bản gửi mỗi thành viên Ban giám đốc.

Nghệ An, ngày tháng năm

TM. BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN *ly*



NGUYỄN NGỌC ĐỨC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH NGHỆ AN
CHỦ TỊCH KIÊM GIÁM ĐỐC



HOÀNG VĂN KHANH